

UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐÀ LẠT

**GIÁO TRÌNH
MÔ ĐUN KẾ TOÁN MÁY
NGÀNH NGHỀ: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-CDNDL ngày ...tháng...năm...
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Đà Lạt)*

LƯU HÀNH NỘI BỘ

Lâm Đồng, năm 2017

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

LỜI GIỚI THIỆU

Trong doanh nghiệp, hệ thống thông tin kế toán là một bộ phận của hệ thống thông tin quản lý, có chức năng xử lý nghiệp vụ tài chính nhằm cung cấp thông tin dưới dạng các báo cáo kế toán, phục vụ cho việc ra quyết định của nhà quản lý.

Kế toán máy hiện được sử dụng phổ biến trong các đơn vị, tổ chức kinh tế. Chính vì vậy việc đào tạo sử dụng phần mềm kế toán cho sinh viên khối ngành kinh tế là rất cần thiết, giúp sinh viên khỏi bối ngỡ khi ra trường làm công việc kế toán tại các đơn vị.

Bài giảng “Kế toán máy” nhằm phục vụ cho sinh viên khối ngành kinh tế và những người có nhu cầu sử dụng máy tính trợ giúp trong công việc kế toán. Bài giảng cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về hệ thống thông tin kế toán dựa trên máy tính, kỹ năng sử dụng máy tính (sử dụng phần mềm kế toán Fast Accounting) để thực hiện công việc kế toán.

Giáo trình gồm 4 bài:

Bài 1: Những vấn đề chung về kế toán máy

Bài 2: Kế toán tài chính

Bài 3: Quản lý kho

Bài 4: Tài sản cố định

Lâm Đồng, ngày 07 tháng 7 năm 2017

Tham gia biên soạn

1. Chủ biên Nguyễn Quỳnh Nguyên
2. Ngô Thiên Hoàng
3. Phạm Đình Nam
4. Phan Ngọc Bảo
5. Trương Thị Thanh Thảo

MỤC LỤC

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN	1
LỜI GIỚI THIỆU	2
BÀI 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN MÁY.....	7
1 KHÁI NIỆM VỀ KẾ TOÁN MÁY	7
1.1 Khái niệm	7
1.2 So sánh kế toán thủ công với kế toán máy	7
1.2.1 Tính chính xác.....	7
1.2.2 Tính hiệu quả	8
1.2.3 Tính chuyên nghiệp.....	8
1.2.4 Tính cộng tác.....	8
2 PHẦN MỀM KẾ TOÁN.....	8
2.1 Khái niệm	8
2.2 Vị trí của phần mềm kế toán trong hệ thống thông tin kế toán.....	9
2.2.1 Đối với bản chất nghiệp vụ kinh tế phát sinh	9
2.2.2 Đối với hình thức sản phẩm.....	9
2.3 Giới thiệu một số phần mềm kế toán Việt nam.....	11
3 CƠ SỞ DỮ LIỆU KẾ TOÁN	13
3.1 Khái niệm	13
3.2 Thiết kế của cơ sở dữ liệu kế toán.....	13
3.2.1 Yêu cầu một hệ thống thông tin kế toán:	13
3.2.2 Các bước thực hiện	13
3.2.3 Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán máy	13
4 HỆ THỐNG DANH MỤC TỪ ĐIỂN KẾ TOÁN.....	14
5 CHỨNG TỪ TRÙNG VÀ VẤN ĐỀ KHỬ TRÙNG KHI LÀM KẾ TOÁN BẰNG MÁY VI TÍNH.....	15
5.1 Vấn đề chứng từ trùng.....	15
5.2 Các nghiệp vụ có thể phát sinh bút toán trùng	16
5.3 Vấn đề khử trùng chứng từ.....	16
5.3.1 Phương pháp xử lý qua tài khoản trung gian.....	16
5.3.2 Phương pháp ưu tiên nhập chứng từ.....	17
6 QUY TRÌNH CHUNG ÁP DỤNG KẾ TOÁN MÁY	17
BÀI 2: KẾ TOÁN TÀI CHÍNH	19
1 SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH	19

2	HỆ THỐNG	20
2.1	Khai báo các danh mục từ điển	20
2.2	Cập nhật chứng từ đầu vào	20
2.3	Cập nhật phiếu thu tiền mặt và giấy báo có của ngân hàng	21
2.3.1	Các loại phiếu thu	21
2.3.2	Các thông tin của phiếu thu tiền mặt và giấy báo có của ngân hàng 21	
2.4	Cập nhật phiếu chi tiền mặt và giấy báo nợ của ngân hàng	24
2.4.1	Các loại phiếu chi.....	24
2.4.2	Các thông tin của phiếu chi tiền mặt và giấy báo nợ của ngân hàng 24	
2.5	Các thông tin cập nhật về hóa đơn thuế đầu vào.....	29
2.6	Báo cáo về tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.....	31
BÀI 3: QUẢN LÝ KHO		32
1	SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH	32
2	HỆ THỐNG	33
2.1	Khai báo các danh mục từ điển	33
2.1.1	Danh mục vật tư.....	33
2.1.2	Danh mục nhóm vật tư, hàng hoá	35
2.2	Cập nhật tồn kho đầu kỳ và kết chuyển số tồn kho sang năm sau	35
2.2.1	Cập nhật số tồn kho đầu kỳ.....	35
2.2.2	Cập nhật số tồn kho đầu kỳ của vật tư hàng hóa tính giá theo phương pháp NTXT.....	36
2.2.3	Kết chuyển số tồn kho cuối năm sang năm sau	36
2.3	Cập nhật chứng từ đầu vào	37
2.4	Phiếu nhập kho	37
2.4.1	Các thông tin của phiếu nhập kho.....	37
2.4.2	Mẫu phiếu nhập kho.....	38
2.5	Phiếu xuất kho	39
2.5.1	Các thông tin của phiếu xuất kho.....	40
2.5.2	Mẫu phiếu xuất kho.....	41
2.6	Phiếu xuất điều chuyển.....	42
2.6.1	Các thông tin phiếu xuất điều chuyển kho.....	42
2.6.2	Mẫu phiếu xuất điều chuyển kho	43
2.7	Tính giá và cập nhật giá hàng tồn kho	43

2.7.1	Tính giá hàng tồn kho theo phương pháp giá trung bình tháng (kỳ)	44
2.7.2	Tính giá hàng tồn kho theo phương pháp giá trung bình di động (theo ngày)	45
2.7.3	Tính giá hàng tồn kho theo phương pháp giá nhập trước xuất trước (NTXT)	45
2.7.4	Tính giá hàng tồn kho theo phương pháp giá đích danh	47
2.8	Báo cáo hàng tồn kho	47
2.8.1	Báo cáo hàng nhập	47
2.8.2	Báo cáo hàng xuất	47
2.8.3	Báo cáo hàng tồn kho.....	48
BÀI 4: TÀI SẢN CỐ ĐỊNH.....		49
1	SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH.....	49
2	HỆ THỐNG	50
2.1	Khai báo các danh mục từ điển	50
2.2	Khai báo thông tin về tài sản	51
2.3	Khai báo các thay đổi liên quan đến tài sản	53
2.3.1	Điều chỉnh giá trị tài sản	53
2.3.2	Khai báo thôi khấu hao tài sản.....	53
2.3.3	Khai báo giảm tài sản.....	54
2.3.4	Điều chuyển tài sản giữa các bộ phận.....	54
2.3.5	Khai báo hệ số phân bổ khấu hao theo vụ việc/công trình	54
2.3.6	Khai báo hệ số phân bổ khấu hao theo tài khoản/tiền khoản	54
2.4	Tính khấu hao tháng và điều chỉnh khấu hao tháng.....	54
2.4.1	Tạo bút toán phân bổ khấu hao TSCĐ.....	55
2.5	Các báo cáo về quản lý tài sản cố định	55
2.5.1	Các báo cáo kiểm kê về TSCĐ	55
2.5.2	Các báo cáo tăng giảm TSCĐ.....	55
2.5.3	Báo cáo khấu hao và phân bổ khấu hao TSCĐ	56
2.6	Quản lý công cụ dụng cụ lao động.....	56
BÀI TẬP.....		58
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....		71

GIÁO TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: KẾ TOÁN MÁY

Mã mô đun: MD33

VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN:

1. Vị trí:

- Mô đun được bố trí giảng dạy sau các môn chung và chuyên ngành

2. Tính chất:

- Mô đun kế toán máy là mô đun thuộc nhóm các mô đun tự chọn của hệ Trung cấp ngành Công nghệ thông tin

MỤC TIÊU MÔ ĐUN:

1. Về kiến thức:

- Nêu được các thành phần, đối tượng quản lý cơ bản trong kế toán;
- Nêu được các quy tắc hoạch toán trong kế toán
- Nêu các bước vận hành công việc của bộ phận kế toán tại doanh nghiệp

2. Về kỹ năng:

- Cập nhật được các thành phần kế toán trên máy vi tính thông qua số liệu;
- Cập nhật được các danh mục sổ dư, danh mục đối tượng pháp nhân, danh mục kho hàng, danh mục tài sản cố định và các danh mục khác theo yêu cầu của phần hành kế toán;
- Cập nhật được các chứng từ kế toán liên quan;
- Xem các sổ kế toán liên quan thông qua các hình thức sổ kế toán;
- Xem, in và kết xuất ra excel các chứng từ, sổ kế toán và báo cáo tài chính.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Có khả năng tự nghiên cứu, tự học, tham khảo tài liệu liên quan đến môn học để vận dụng vào hoạt động học tập.
- Vận dụng được các kiến thức tự nghiên cứu, học tập và kiến thức, kỹ năng đã được học để hoàn thiện các kỹ năng liên quan đến môn học một cách khoa học, đúng quy định.

NỘI DUNG GIÁO TRÌNH

BÀI 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN MÁY

Mã bài: MD33_01

GIỚI THIỆU

Bài mở đầu giới thiệu về kế toán máy, ưu điểm của việc tin học hóa trong công việc hạch toán trong doanh nghiệp. Giới thiệu một số phần mềm kế toán trên thị trường.

MỤC TIÊU

- + Nêu được các khái niệm về kế toán máy, phần mềm kế toán, cơ sở dữ liệu kế toán, chứng từ trùng;
- + Thao tác thành thạo trên hệ thống các danh mục từ điển kế toán;
- + Khử trùng chứng từ trong kế toán máy;
- + Thực hiện được quy trình chung áp dụng kế toán máy;
- + Có tính nghiêm túc, cẩn thận trong khi làm việc.

NỘI DUNG CHÍNH

1 KHÁI NIỆM VỀ KẾ TOÁN MÁY

1.1 Khái niệm

Kế toán máy là quá trình ứng dụng công nghệ thông tin trong hệ thống thông tin kế toán, nhằm thực hiện công tác hạch toán trong doanh nghiệp.

1.2 So sánh kế toán thủ công với kế toán máy

1.2.1 Tính chính xác

Nếu như trước đây khi kế toán viên cộng sổ kế toán sai thì toàn bộ các báo cáo tài chính, quản trị có liên quan đều phải được lập lại từ đầu và thời gian tiêu tốn cho việc này có thể mất vài ngày, thậm chí tới một tuần để hoàn thành; thì nay với sự hỗ trợ của phần mềm, NSD có thể giảm tối đa thời gian lãng phí vào việc chỉnh sửa dữ liệu, sổ sách, báo cáo từ vài ngày xuống còn vài phút.

Do dữ liệu tính toán kết xuất ra báo cáo đều căn cứ vào một nguồn duy nhất là các chứng từ gốc được nhập vào nên dữ liệu được cung cấp bằng phần mềm kế toán mang tính nhất quán cao. Trong khi đó, với công tác kế toán thủ công, thông tin trên một chứng từ có thể do nhiều kế toán viên ghi chép trên nhiều sổ sách theo bản chất nghiệp vụ mà mình phụ trách, nên dễ dẫn tới tình trạng sai lệch dữ liệu trên các sổ khi tổng hợp, kéo theo công tác kế toán tổng hợp bị sai lệch.

1.2.2 Tính hiệu quả

Trong xã hội cạnh tranh hiện nay thông tin chính là sức mạnh, ai có thông tin nhanh hơn thì người đó có khả năng chiến thắng nhanh hơn. Với khả năng cung cấp thông tin tài chính và quản trị một cách đa chiều và nhanh chóng, phần mềm kế toán giúp cho chủ doanh nghiệp ra quyết định nhanh hơn, chính xác hơn và hiệu quả hơn.

Mặt khác, công tác kế toán thủ công đòi hỏi cần nhiều nhân sự làm kế toán. Trong khi phần mềm kế toán, do tự động hóa hoàn toàn các công đoạn tính toán, lưu trữ, tìm kiếm và kết xuất báo cáo nên tiết kiệm được nhân sự và thời gian, chính điều này đã góp phần tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp.

1.2.3 Tính chuyên nghiệp

Bằng việc sử dụng phần mềm kế toán, toàn bộ hệ thống sổ sách của doanh nghiệp được in ấn sạch sẽ (không bị tẩy xóa), đẹp và nhất quán theo các chuẩn mực quy định. Điều này giúp doanh nghiệp thể hiện được tính chuyên nghiệp của mình với các khách hàng, đối tác và đặc biệt là các nhà tài chính, kiểm toán và đầu tư. Đây là một yếu tố có giá trị khi xây dựng một thương hiệu cho riêng mình.

1.2.4 Tính cộng tác

Các phần mềm kế toán ngày nay đều cung cấp đầy đủ các phân hành kế toán từ mua hàng, bán hàng,... cho tới lương, tài sản cố định và cho phép nhiều người làm kế toán cùng làm việc với nhau trên cùng một dữ liệu kế toán. Như vậy, trong môi trường làm việc này số liệu đầu ra của người này có thể là số liệu đầu vào của người khác và toàn bộ hệ thống tích hợp chặt chẽ với nhau tạo ra một môi trường làm việc cộng tác và cũng biến đổi cả văn hóa làm việc của doanh nghiệp theo chiều hướng chuyên nghiệp và tích cực hơn.

2 PHẦN MỀM KẾ TOÁN

2.1 Khái niệm

Phần mềm kế toán: Là hệ thống các chương trình máy tính dùng để tự động xử lý các thông tin kế toán trên máy vi tính, bắt đầu từ khâu lập chứng từ gốc, phân loại chứng từ, ghi chép sổ sách, xử lý thông tin trên các chứng từ, sổ sách theo quy định của chế độ kế toán đến khâu in ra sổ kế toán và báo cáo tài chính, báo cáo kế toán quản trị và các báo cáo thống kê phân tích tài chính khác. Tóm lại:

- Phần mềm kế toán đơn thuần là một công cụ ghi chép, lưu trữ, tính toán, tổng hợp trên cơ sở các dữ liệu đầu vào là các chứng từ gốc.
- Quá trình xử lý phải tuân thủ các chuẩn mực kế toán và chế độ ban hành.

- Độ chính xác của đầu ra báo cáo phụ thuộc vào yếu tố con người như kế toán thủ công.

2.2 Vị trí của phần mềm kế toán trong hệ thống thông tin kế toán

2.2.1 Đối với bản chất nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Phần mềm kế toán bán lẻ

Phần mềm kế toán bán lẻ (còn gọi là hệ thống POS - Point Of Sales hoặc hệ thống kế toán giao dịch trực tiếp với khách hàng - Front Office Accounting) là các phần mềm hỗ trợ cho công tác lập hóa đơn, biên lai kiêm phiếu xuất bán và giao hàng cho khách hàng. Tùy từng lĩnh vực và phần mềm cụ thể mà phần mềm này có thể hỗ trợ thêm phần kiểm tra hàng tồn kho. Nhìn chung phần mềm này có tính năng đơn giản và các báo cáo do phần mềm cung cấp chỉ là các báo cáo tổng hợp tình hình bán hàng và báo cáo tồn kho.

Loại phần mềm này chủ yếu phục vụ cho các doanh nghiệp có siêu thị, nhà hàng hoặc kinh doanh trực tuyến trên Internet. Kết quả đầu ra của phần mềm này sẽ là đầu vào cho phần mềm kế toán tài chính quản trị.

Phần mềm kế toán tài chính quản trị

Phần mềm kế toán tài chính quản trị (hay phần mềm kế toán phía sau văn phòng - Back Office Accounting) dùng để nhập các chứng từ kế toán, lưu trữ, tìm kiếm, xử lý và kết xuất báo cáo tài chính, báo cáo quản trị và báo cáo phân tích thống kê tài chính.

2.2.2 Đối với hình thức sản phẩm

Phần mềm đóng gói

Phần mềm đóng gói là các phần mềm được nhà cung cấp thiết kế sẵn, đóng gói thành các hộp sản phẩm với đầy đủ tài liệu hướng dẫn cài đặt, sử dụng và bộ đĩa cài phần mềm. Loại phần mềm kế toán này thường được bán rộng rãi và phổ biến trên thị trường.

Ưu điểm

- Giá thành rẻ: Do được bán và sử dụng rộng rãi cho nhiều doanh nghiệp nên chi phí phát triển được chia đều cho số lượng người dùng.
- Tính ổn định của phần mềm cao

- Nâng cấp, cập nhật nhanh chóng: Do nhà cung cấp phần mềm đóng gói chỉ quản lý một bộ mã nguồn duy nhất nên việc cập nhật sửa lỗi hoặc cập nhật, nâng cấp khi có sự thay đổi của chế độ kế toán sẽ rất nhanh chóng và đồng loạt cho các công ty đang sử dụng tại một thời điểm.
- Chi phí triển khai rẻ: Phần mềm đóng gói bao giờ cũng có đầy đủ tài liệu hướng dẫn, tài liệu giảng dạy và rất nhiều các tài liệu khác kèm theo giúp người dùng có thể tự cài đặt và đưa vào sử dụng mà không cần phải qua đào tạo từ phía nhà cung cấp, nên sẽ giảm thiểu được chi phí triển khai cho NSD.
- Thời gian triển khai ngắn và dễ dàng

Nhược điểm

- Do được phát triển với mục đích sử dụng cho nhiều doanh nghiệp hoạt động trong nhiều loại hình khác nhau mà vẫn bảo đảm được tính đơn giản, nhỏ gọn và dễ sử dụng nên một số các yêu cầu nhỏ đặc thù của doanh nghiệp sẽ không có trong phần mềm.

Phần mềm đặt hàng

Phần mềm kế toán đặt hàng là phần mềm được nhà cung cấp phần mềm thiết kế riêng biệt cho một doanh nghiệp hoặc một số nhỏ các doanh nghiệp trong cùng một tập đoàn theo đơn đặt hàng, dựa trên các yêu cầu cụ thể. Đặc điểm chung của loại phần mềm này là không phổ biến và có giá thành rất cao.

Ưu điểm

- Đáp ứng được yêu cầu đặc thù, cụ thể của doanh nghiệp.

Nhược điểm

- Chi phí cao: Do toàn bộ chi phí đầu tư và phát triển phần mềm đều đổ dồn vào một doanh nghiệp nên giá thành của phần mềm sẽ rất cao. Ngoài chi phí lớn đầu tư ban đầu, loại phần mềm này còn phải chịu thêm các chi phí khác như chi phí bảo hành, bảo trì, nâng cấp phát triển sau này.
- Khó cập nhật và nâng cấp: Khi chế độ kế toán thay đổi, do nhà cung cấp phần mềm theo đơn đặt hàng phải tiến hành cập nhật nâng cấp cho hàng trăm và thậm chí cả ngàn khách hàng một cách tuần tự, lần lượt, nên doanh nghiệp đầu tư sử dụng phần mềm đặt hàng phải chờ đợi rất lâu mới tới mình.
- Tính ổn định của phần mềm kém

- Tính rủi ro cao: Không thể kiểm chứng được lịch sử về uy tín chất lượng đối với các sản phẩm phần mềm kế toán theo đơn đặt hàng một cách dễ dàng, nên rất có thể là sau khi nhận bàn giao không như ý. Không thể đưa vào sử dụng hoặc đưa vào sử dụng nhưng không hiệu quả.

Các tiêu chuẩn và điều kiện của một phần mềm kế toán

- Phần này trích yếu một số nội dung thông tin cốt lõi của Thông tư 103/2005/TT-BTC của Bộ Tài chính ký ngày 24 tháng 11 năm 2005 về việc "Hướng dẫn tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán".

2.3 Giới thiệu một số phần mềm kế toán Việt nam

- **MYOB** (website: <http://myob.com>): là một trong những nhà cung cấp hàng đầu thế giới về phần mềm, dịch vụ, hỗ trợ các giải pháp kế toán - tài chính - quản trị doanh nghiệp. Đối tượng MYOB chủ yếu nhắm đến là các doanh nghiệp vừa và nhỏ.
- **QuickBooks** (website: <http://quickbooks.intuit.com>): là phần mềm kế toán của Tập đoàn Intuit của Mỹ. Phần mềm này có nhiều gói khác nhau phù hợp với quy mô doanh nghiệp theo giai đoạn phát triển của doanh nghiệp (giá từ khoảng 100\$ - 1000\$).
- **PeachTree** (website: <http://www.peachtree.com>): là dòng sản phẩm phần mềm kế toán của tập đoàn phần mềm Sage – Anh. PeachTree có các sản phẩm phù hợp với từng quy mô của doanh nghiệp từ lúc khởi nghiệp cho đến khi doanh nghiệp lớn mạnh: Basic, Standard, Advanced, Premium.
- **Sage AccPac** (website: www.sageaccpac.com): là một trong các sản phẩm phần mềm quản trị doanh nghiệp của tập đoàn phần mềm Sage dành cho đối tượng các doanh nghiệp lớn.

- **Công ty Cổ phần MISA** (website: <http://www.misa.com.vn>): Được thành lập từ năm 1994, hiện là một trong những thương hiệu mạnh nhất trên thị trường phần mềm Việt Nam về các giải pháp phần mềm quản lý trong doanh nghiệp. Các dòng sản phẩm của MISA đều là các phần mềm đóng gói, mang tính phổ biến, phù hợp với các doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa với chi phí thấp. Ưu điểm của các dòng sản phẩm phần mềm MISA nói chung là đơn giản, dễ học, dễ sử dụng, hình ảnh giao diện thân thiện. MISA-SME có nhiều gói sản phẩm khác nhau, đáp ứng tối đa nhu cầu của các doanh nghiệp mà vẫn tiết kiệm được chi phí. Đặc biệt, MISASME có gói Express miễn phí giúp cho các doanh nghiệp mới thành lập tiết kiệm chi phí ban đầu. Hơn nữa, gói sản phẩm này cũng rất phù hợp với các bạn sinh viên hoặc bất cứ ai muốn tự học, thực hành phần mềm kế toán ở nhà. Các bạn sinh viên có thể download miễn phí phần mềm MISA-SME Express cùng các tài liệu tự học tại (website: <http://www.misa.com.vn>)
- **Công ty Cổ phần Phần mềm EFFECT** (website: <http://www.effectvn.com>): Là một trong những nhà cung cấp có thương hiệu tại Việt Nam về giải pháp phần mềm quản lý doanh nghiệp với các sản phẩm về Phần mềm kế toán và Hệ thống quản lý tổng thể Effect-ERP. Các sản phẩm của công ty được viết theo đơn đặt hàng nên có mức giá khá cao so với những phần mềm kế toán khác phụ thuộc vào quy mô doanh nghiệp, số phần hành áp dụng và độ phức tạp trong quản lý.
- **Công ty Cổ phần Phần mềm kế toán BRAVO** (website: <http://www.bravo.com.vn>): Được thành lập từ năm 1999, chuyên sâu trong lĩnh vực sản xuất phần mềm và cung cấp các giải pháp về hệ thống Quản trị - Tài chính - Kế toán. Hiện BRAVO có sản phẩm Phần mềm quản trị tài chính BRAVO. Đây là phần mềm thuộc nhóm phần mềm "may đo" theo đặt hàng (customize). Từ phần mềm cơ bản của BRAVO, tùy theo nhu cầu của doanh nghiệp, nhà cung cấp sẽ xây dựng chương trình riêng. Do đây là phần mềm viết riêng cho từng doanh nghiệp nên chi phí cao hơn rất nhiều so với việc mua sản phẩm đóng gói. Hiện tại giá phần mềm này có thể dao động từ vài ngàn đến vài chục ngàn đô la Mỹ.
- **Công ty Cổ phần Phần mềm Quản lý Doanh nghiệp FAST** (website: <http://fast.com.vn>): Thành lập từ năm 1997, là một trong những thương hiệu mạnh trên thị trường Việt Nam. Phần mềm kế toán của Fast được xây dựng trên cơ sở Visual Foxpro và đều thuộc phần mềm đóng gói.

- **Công ty Cổ phần Tin học Lạc Việt** (website: <http://www.lacviet.com.vn>): Thành lập từ năm 1994, là một trong những thương hiệu mạnh trên thị trường Việt Nam. AccNet là phần mềm kế toán quản trị tài chính doanh nghiệp thuộc nhóm phần mềm đóng gói, nhắm đến đối tượng doanh nghiệp vừa và nhỏ.
- **Công ty Cổ phần SIS Việt Nam** (website: <http://sisvn.com>): SIS Việt Nam là công ty chuyên sâu trong lĩnh vực cung cấp giải pháp kế toán, tài chính, quản trị doanh nghiệp. Các phần mềm của SIS thuộc nhóm phần mềm đóng gói. Hiện nay SIS có 2 phần mềm kế toán quản trị doanh nghiệp là SAS INNOVA và SAS ERP.

3 CƠ SỞ DỮ LIỆU KẾ TOÁN

3.1 Khái niệm

Cơ sở dữ liệu là tập hợp nhiều dữ liệu liên quan và được lưu trữ vật lý trong máy tính. Nó liên kết các tập tin và được quản lý bởi một phần mềm gọi là hệ thống quản lý CSDL

3.2 Thiết kế của cơ sở dữ liệu kế toán

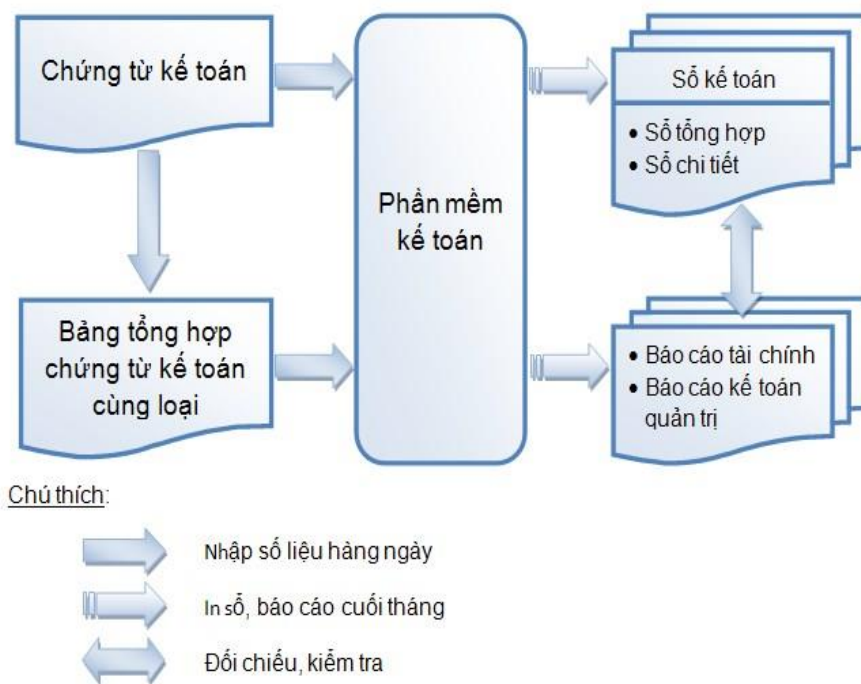
3.2.1 Yêu cầu một hệ thống thông tin kế toán:

- + Nhận diện thông tin đầu ra của hệ thống
- + Tìm được giải pháp phần cứng và phần mềm
- + Quản lý được, không quá phức tạp
- + Đảm bảo bí mật
- + Nhận dạng sự kiện kinh doanh, kinh tế

3.2.2 Các bước thực hiện

- Bước 1: xác định nhu cầu thông tin
- Bước 2: xác định các thực thể và thuộc tính tương ứng
- Bước 3: xác định mối quan hệ giữa các thực thể
- Bước 4: tạo sơ đồ mối liên kết thực thể
- Bước 5: chuẩn hóa mối quan hệ

3.2.3 Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán máy



4 HỆ THỐNG DANH MỤC TỪ ĐIỂN KẾ TOÁN

Danh mục từ điển là một tệp dữ liệu nhằm để quản lý một cách có tổ chức và không nhầm lẫn các đối tượng thông qua việc mã hóa các đối tượng đó. Mỗi danh mục gồm nhiều danh điểm, mỗi danh điểm là một đối tượng cụ thể cần được quản lý như một khách hàng, một tài khoản kế toán hay một vụ việc và được xác định duy nhất thông qua mã của nó. Các tổ chức kinh tế với quy mô và tính chất hoạt động khác nhau sẽ có hệ thống danh mục từ điển khác nhau. Những danh mục từ điển cơ bản, thường hay được sử dụng trong hệ thống kế toán của tổ chức là:

- Danh mục tài khoản: Được sử dụng để quản lý hệ thống các tài khoản. Hầu hết mọi thông tin kế toán đều được phản ánh trên tài khoản. Hệ thống tài khoản của các tổ chức cần được tuân theo hệ thống tài khoản kế toán chuẩn do Bộ tài chính quy định, dựa trên đó doanh nghiệp mở tài khoản chi tiết để phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị mình.
- Danh mục khách hàng: Được sử dụng để theo dõi chi tiết mua bán hàng hóa, vật tư, hàng hóa, sản phẩm; các khoản phải thu, phải trả cho từng khách hàng. Mỗi khách được nhận diện bằng một mã hiệu gọi là mã khách hàng.
- Danh mục kho vật tư, hàng hóa, thành phẩm: Được dùng để theo dõi kho vật tư, hàng hóa, thành phẩm. Mỗi kho có một mã riêng.
- Danh mục nhóm vật tư, hàng hóa: Được dùng để theo dõi vật tư, hàng hóa, sản phẩm theo nhóm. Việc quản lý theo nhóm cung cấp khả năng tổng hợp thông tin cao.

- Danh mục vật tư, hàng hóa: Được dùng để quản lý chi tiết hàng hóa, vật tư, sản phẩm. Mỗi vật tư, hàng hóa, sản phẩm mang một mã hiệu riêng.
- Danh mục tài sản cố định: Dùng để quản lý các tài sản cố định mà doanh nghiệp quản lý. Mỗi một tài sản được mô tả thông qua số hiệu, ngày đưa vào sử dụng, tên...
- Danh mục các bộ phận: Để quản lý các bộ phận của tổ chức doanh nghiệp, cung cấp khả năng tổng hợp thông tin riêng của từng bộ phận. Tuy nhiên chỉ có thể tổng hợp doanh thu, chi phí chứ không thể lên báo cáo tài chính cho từng bộ phận.
- Danh mục tập hợp đối tượng chi phí: Đây là danh mục cần thiết cho doanh nghiệp sản xuất để quản lý các đối tượng tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm.
- Danh mục chứng từ: Để quản lý các loại chứng gốc. Mỗi loại chứng từ gốc mang một mã hiệu xác định. Với mã hiệu này có thể tiến hành lọc, in bảng kê chi tiết và tổng hợp của từng loại chứng từ.

5 CHỨNG TỪ TRÙNG VÀ VẤN ĐỀ KHỬ TRÙNG KHI LÀM KẾ TOÁN BẢNG MÁY VI TÍNH

5.1 Vấn đề chứng từ trùng

Nguyên tắc khi ghi sổ kép là một trong những nguyên tắc cơ bản và quan trọng của kế toán. theo nguyên tắc này, cứ một nghiệp vụ kinh tế phát sinh thì sẽ liên quan ít nhất đến 2 đối tượng kế toán do đó cứ một chứng từ chúng ta sẽ ghi vào ít nhất cho 2 đối tượng. Tuy nhiên có một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh cả 2 đối tượng đều có chứng từ, vì vậy nếu không sàng lọc, kế toán sẽ nhập dữ liệu trùng lặp vào csdl. Như vậy sẽ dẫn đến việc tổng hợp số phát sinh cho những tài khoản liên quan đến các đối tượng đó sai.

Do đó, các nghiệp vụ kế toán trước khi nhập vào bảng kê chứng từ phát sinh phải được khử trùng

Ví dụ: Nghiệp vụ mua hàng hóa thanh toán ngay bằng tiền mặt

Kế toán hàng hóa căn cứ vào phiếu nhập kho định khoản :

Nợ tk 1561: x

Có tk 1111: x

Kế toán tiền mặt căn cứ vào phiếu chi định khoản :

Nợ tk 1561: x

Có tk 1111: x

Như vậy khi tổng hợp số tiền trong sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt sẽ bị phát sinh gấp đôi, số phát sinh trong sổ chi tiết hàng hóa cũng sẽ bị gấp đôi tương tự và các sổ kế toán có liên quan cũng tương tự.

5.2 Các nghiệp vụ có thể phát sinh bút toán trùng

- Nộp tiền từ quỹ vào tài khoản ngân hàng, rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ
- Mua hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu công cụ trả tiền ngay
- Bán hàng, thành phẩm, vật liệu thu tiền ngay

5.3 Vấn đề khử trùng chứng từ

5.3.1 Phương pháp xử lý qua tài khoản trung gian

Xử lý qua tài khoản trung gian có nghĩa là các bút toán trùng phát sinh, ta hạch toán qua một tài khoản chung. ví dụ của bút toán trùng trên, ta hạch toán qua tài khoản trung gian là tk 331

Kế toán hàng hóa căn cứ vào phiếu nhập kho định khoản :

Nợ tk 1561: x

Có tk 331: x

Kế toán tiền mặt căn cứ vào phiếu chi định khoản :

Nợ tk 331: x

Có tk 1111: x

Ưu điểm :

- + Số phát sinh của các sổ kế toán liên quan là đúng
- + Số chứng từ của từng phần hành riêng biệt, đảm bảo tính liên tục và không nhầm lẫn

Nhược điểm: Tổng số phát sinh trên bảng cân đối số phát sinh tăng thêm một khoản tiền của tài khoản trung gian. Đề xuất các tài khoản trung gian :

- + Nộp tiền từ quỹ vào tài khoản ngân hàng, rút tiền từ ngân hàng về quỹ tiền mặt (tk 1131)
- + Mua hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, dụng cụ trả tiền ngay (tk 331)
- + Bán hàng hóa, thành phẩm, vật liệu, dụng cụ thu tiền ngay (tk 331)

5.3.2 Phương pháp ưu tiên nhập chứng từ

Xử lý ưu tiên nhập chứng từ có nghĩa là với các bút toán trùng phát sinh ta ưu tiên hạch toán qua một định khoản của 1 trong 2 phần hành khác nhau.

Ví dụ:

Với bút toán trùng trên, chúng ta nên ưu tiên hạch toán qua kế toán hàng hóa bởi vì kế toán hàng hóa theo dõi được số lượng hàng nhập.

Kế toán hàng hóa căn cứ vào phiếu nhập kho định khoản (cả số lượng và giá trị)

Nợ tk 1561: x

Có tk 1111: x

Ưu điểm :

- + Số phát sinh của các sổ kế toán có liên quan là đúng
- + Làm đơn giản, không bắt buộc cả hai phần hành kế toán định khoản
- + Tổng số phát sinh trên bảng cân đối số phát sinh là đúng

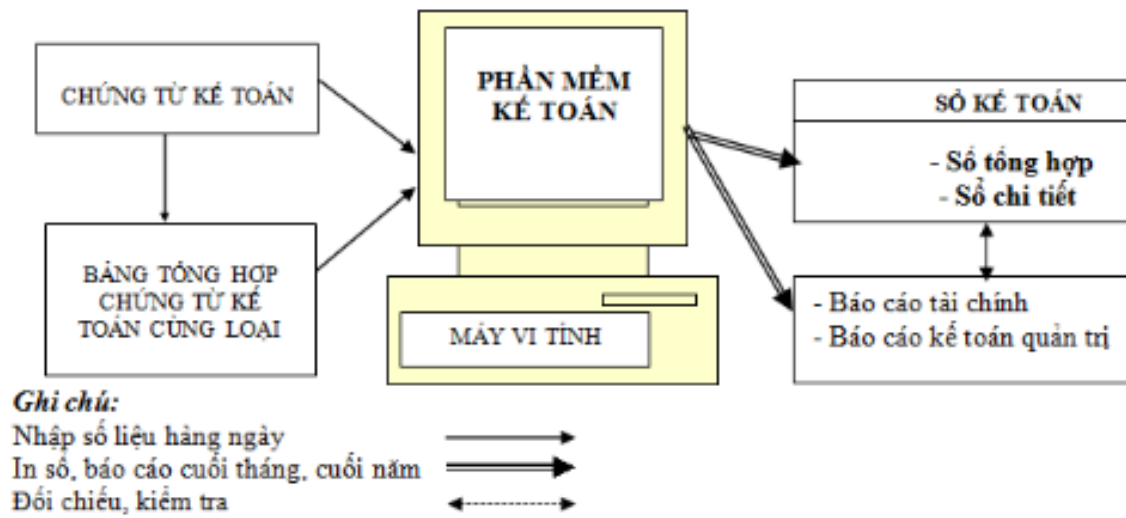
Nhược điểm:

- + Báo cáo chi tiết tài khoản phụ thuộc vào người định khoản
- + Số chứng từ bị nhầm lẫn, không đảm bảo tính liên tục

Do đó các nghiệp vụ kế toán trước khi nhập vào bảng kê các chứng từ phát sinh phải được khử trùng theo 1 trong 2 phương pháp nêu trên. Tuy nhiên, ta nên khử trùng theo phương pháp xử lý qua tài khoản trung gian.

6 QUY TRÌNH CHUNG ÁP DỤNG KẾ TOÁN MÁY

**TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN
THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN TRÊN MÁY VI TÍNH**



BÀI 2: KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Mã bài: MĐ 33_02

GIỚI THIỆU

Công việc kế toán luôn gắn liền với việc quản lý tài chính của doanh nghiệp, bộ phận kế toán cần nắm chính xác thông tin về tài chính trong doanh nghiệp từ tiền trong tài khoản, tiền nợ nhà cung cấp hay tiền khách hàng ghi nợ. Việc quản lý bằng phần mềm kế toán sẽ giúp việc báo cáo nhanh chóng và chính xác và không tốn nhiều thời gian cũng như nhân công cho doanh nghiệp.

MỤC TIÊU

- Nêu chức năng của từng menu trong chương trình;
- Cập nhật phần mềm, hệ thống chương trình;
- Cập nhật được các danh mục, chứng từ và lên được báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, báo cáo thuế, báo cáo công nợ và báo cáo kế toán.
- Có tư duy logic, cẩn thận, tỉ mỉ trong thao tác.

NỘI DUNG CHÍNH

1 SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH

- Các chức năng chính của phân hệ kế toán vốn bằng tiền
 - + Theo dõi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng
 - + Theo dõi theo tiền VNĐ và ngoại tệ
 - + Theo dõi tiền gửi, tiền vay tại nhiều ngân hàng khác nhau
 - + Theo dõi số dư tức thời tiền mặt tại quỹ, tiền gửi tại từng tài khoản ở các ngân hàng
 - + Theo dõi thanh toán thu chi theo khách hàng, hợp đồng, hoá đơn mua bán và theo các khoản mục chi phí...
 - + Theo dõi chi tiết tình hình vay tiền, tính lãi, trả nợ gốc, số dư theo từng khế ước vay tại các ngân hàng, các đối tượng cho vay khác
 - + Theo dõi chi tiết tình hình cho vay, tạm ứng và tình hình thu hồi các khoản cho vay, thanh toán tạm ứng của từng đối tượng.
- Hệ thống menu của phân hệ kế toán vốn bằng tiền.
 1. Cập nhật số liệu

2. Cập nhật số dư đầu kỳ
3. Báo cáo tiền mặt, tiền gửi ngân hàng
4. Báo cáo tiền vay
5. Danh mục từ điển
6. In các danh mục từ điển.

2 HỆ THỐNG

2.1 Khai báo các danh mục từ điển

- 1) Danh mục kế ước
- 2) Danh mục tài khoản lũy kế của kế ước
- 3) Danh mục tài khoản ngân hàng
- 4) Danh mục tài khoản kiểm tra chi âm

2.2 Cập nhật chứng từ đầu vào

Các chứng từ đầu vào của kế toán tiền mặt và tiền gửi gồm có

- 1) Giấy báo có (thu) của ngân hàng
- 2) Giấy báo nợ (chi) của ngân hàng
- 3) Phiếu thu tiền mặt
- 4) Phiếu chi tiền mặt.

Fast Accounting Edu 10.0

Hệ thống

Kế toán tổng hợp

Tiền mặt, tiền gửi, tiền vay

Bán hàng và công nợ phải thu

Mua hàng và công nợ phải trả

Hàng tồn kho

BC CP theo tiểu khoản, khoản mục

BC vụ việc, giá thành công tính

Giá thành sx liên tục

Giá thành sx theo đơn hàng

Tài sản cố định

Công cụ dụng cụ

Báo cáo thuế

BCQT theo các trường tự do

BCQT theo thời gian

BCQT theo ĐVCS

Thuế thu nhập cá nhân

Giấy báo có (thu) của ngân hàng

Giấy báo nợ (chi) của ngân hàng

Phiếu thu tiền mặt

Phiếu chi tiền mặt

Tính và cập nhật lại tỷ giá ghi sổ

----- Số dư đầu kỳ -----

BC tiền mặt, TGNH

BC tiền vay

In danh mục từ điển

Danh mục kế ước

Danh mục tài khoản lk của kế ước

Danh mục tài khoản ngân hàng

Danh mục tài khoản kiểm tra chi âm

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Chi tiêu	Kỳ số	Thuyết minh	Hiện kỳ	Hiện kỳ trước
1. Lưu chuyển tiền tệ hoạt động kinh doanh	02			
2. Tiền thu từ các hoạt động kinh doanh	02A		(9.384.287)	
3. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02B		(9.384.287)	
4. Tiền thu từ các hoạt động tài chính	03		(202.000)	
5. Tiền chi trả lãi vay	04			
6. Tiền chi trả thuế thu nhập doanh nghiệp	05			
7. Tiền chi trả thuế thu nhập cá nhân	06			
8. Tiền chi trả cho hoạt động tài chính khác	07			
9. Tiền chi trả cho hoạt động khác	08			
Tổng cộng	09		(19.968.574)	(19.968.574)
10. Lưu chuyển tiền tệ hoạt động khác	10			
1. Tiền thu từ các hoạt động khác	11			
2. Tiền chi trả cho các hoạt động khác	12			

2.3 Cập nhật phiếu thu tiền mặt và giấy báo có của ngân hàng

2.3.1 Các loại phiếu thu

- 1 - Thu tiền chi tiết cho các hoá đơn
- 2 - Thu của 1 khách hàng
- 3 - Thu của nhiều khách hàng
- 4 - Vay
- 5 - Chuyển tiền ngoại tệ
- 6 - Mua ngoại tệ
- 7 - Người mua trả tiền trước
- 9 - Thu khác.

2.3.2 Các thông tin của phiếu thu tiền mặt và giấy báo có của ngân hàng

– Phần thông tin chung về chứng từ:

- Mã khách hàng.....
- Tên khách hàng.....
- Địa chỉ (trường này được cập nhật trong trường hợp trong danh mục khách hàng không khai báo địa chỉ, ví dụ cho các khách lẻ).
- Người nộp tiền
- Lý do nộp (diễn giải chung).....
- Tài khoản nợ
- Số phiếu thu
- Ngày hạch toán
- Ngày lập phiếu thu.....
- Mã ngoại tệ
- Tỷ giá giao dịch
- Hạn thanh toán (sử dụng trong trường hợp vay tiền, loại phiếu thu = 4).
.....

– Phần thông tin riêng cho từng loại phiếu thu

Phần chi tiết hạch toán trong trường hợp chi tiết thanh toán theo hoá đơn (loại phiếu thu bằng 1)

Số hoá đơn.....
Ngày hoá đơn
Mã ngoại tệ.....
Tài khoản có
Số tiền trên hoá đơn.....
Số tiền đã thu (không kể số tiền thu của phiếu thu hiện tại).....
Số tiền còn phải thu.....
Số tiền thu lần này
Số tiền thu lần này quy đổi ra đồng tiền ghi trên hoá đơn
Diễn giải (chi tiết cho từng hạch toán).....
Số tiền thu lần này qui đổi ra đồng tiền hạch toán.....
Các mã của các trường tự do.....
<i>Phần chi tiết hạch toán trong trường hợp thu của 1 khách hàng (loại phiếu thu bảng 2)</i>
Tài khoản có
Tên tài khoản có
Phát sinh có theo đồng tiền giao dịch
Tỷ giá ghi sổ.....
Diễn giải (chi tiết cho từng hạch toán).....
Phát sinh có theo đồng tiền hạch toán (theo tỷ giá giao dịch)
Phát sinh có theo đồng tiền hạch toán (theo tỷ giá ghi sổ)
Các mã của các trường tự do.....
<i>Phần chi tiết hạch toán trong trường hợp thu của nhiều khách hàng (loại phiếu thu bảng 3)</i>
Tài khoản có

Tên tài khoản có Mã khách Tên khách Phát sinh có theo đồng tiền giao dịch Diễn giải (chi tiết cho từng hạch toán Phát sinh có theo đồng tiền hạch toán) Các mã của các trường tự do
<i>Phần chi tiết hạch toán trong trường hợp vay (loại phiếu thu bằng 4); nộp tiền vào ngân hàng, chuyển tiền từ ngân hàng khác đến (loại phiếu thu bằng 5); mua ngoại tệ (loại phiếu thu bằng 6); người mua trả tiền trước (loại phiếu thu bằng 7); khác (loại phiếu thu bằng 9)</i>
Tài khoản có Tên tài khoản có Phát sinh có theo đồng tiền giao dịch Diễn giải (chi tiết cho từng hạch toán) Phát sinh có theo đồng tiền hạch toán Các mã của các trường tự do Phân tính tổng của phiếu thu Tổng số tiền trên phiếu thu/giấy báo có Trạng thái của chứng từ: 0 – Lập chứng từ, 1 – Đã chuyển vào sổ cái Số HĐ: danh sách các hóa đơn trong trường hợp chỉ rõ thu tiền của các hóa đơn nào.

– Màn hình nhập liệu

Giấy báo có (thu) của ngân hàng. Kỳ : 01/01/12-30/06/12

Loại phiếu thu	2	Thu chi tiết theo khách hàng	Ngày hạch toán	23/01/2012
Mã khách	KHH5	Khách hàng H5	Ngày lập phiếu thu	23/01/2012
Địa chỉ	21 Điện Biên Phủ, Q1 TP HCM		Quyển số	BC01
Ng. nộp tiền	nguyen van N		Số phiếu thu	BC001
Lý do nộp	Tra tien hang		TGGD	VND 1
Tk nợ	1121ACB	Tiền VND gửi ngân hàng acb	Hạn tt	0

F4 - Thêm dòng, F5 - Tính TGGD, F8 - Xóa dòng, *Tab - Ra khỏi chi tiết

Stt	Tk có	Tên tài khoản	Ps có VND	Diễn giải	Mã vụ việc
1	131111	Phải thu ngắn hạn khách hàng: Hđ SXKD (VND)	330 000 000	Tra tien hang	

☐ Sửa trường tiền ☐ Sửa tỷ giá ghi sổ

Số hđ: 330 000 000

Trạng thái: Đã ghi sổ cái

2.4 Cập nhật phiếu chi tiền mặt và giấy báo nợ của ngân hàng

2.4.1 Các loại phiếu chi

- 1-Chi trả chi tiết theo các hoá đơn
- 2- Chi cho 1 khách hàng
- 3- Chi cho nhiều khách hàng
- 4- Chi cho vay, tạm ứng
- 5- Chuyển/Nộp tiền ngoại tệ
- 7- Trả trước cho người bán
- 8- Chi thanh toán chi phí trực tiếp bằng tiền
- 9 - Chi khác.

2.4.2 Các thông tin của phiếu chi tiền mặt và giấy báo nợ của ngân hàng

- Thông tin chung

Mã khách hàng

Tên khách hàng

Địa chỉ (trường này được cập nhật trong trường hợp trong danh mục khách hàng không khai báo địa chỉ, ví dụ cho các khách lẻ).

Người nhận tiền.....

Lý do chi (diễn giải chung)
 Tài khoản có
 Số phiếu chi
 Ngày hạch toán
 Ngày lập phiếu chi
 Mã ngoại tệ
 Tỷ giá ghi sổ (của tài khoản có)
 Hạn thanh toán (sử dụng trong trường hợp cho vay tiền hoặc tạm ứng, loại phiếu chi = 4)
 – Thông tin riêng

Phần chi tiết hạch toán trong trường hợp chi tiết thanh toán theo hoá đơn (loại phiếu chi bằng 1)

Số hoá đơn
 Ngày hoá đơn
 Mã ngoại tệ (trên hóa đơn)
 Tài khoản nợ (hạch toán công nợ khi mua hàng)
 Số tiền trên hoá đơn
 Số tiền đã trả (không kể số tiền trả trong phiếu chi hiện thời)
 Số tiền còn phải trả
 Số tiền trả lần này
 Số tiền trả lần này qui đổi ra đồng tiền ghi trên hoá đơn
 Diễn giải (chi tiết cho từng hạch toán)
 Số tiền trả lần này qui đổi ra đồng tiền hạch toán
 Các mã của các trường tự do

Phần chi tiết hạch toán trong trường hợp chi cho 1 khách hàng (loại phiếu chi bằng 2)

Tài khoản nợ Tên tài khoản nợ Phát sinh nợ theo đồng tiền giao dịch Diễn giải (chi tiết cho từng hạch toán) Tỷ giá ghi sổ (tỷ giá ghi sổ của tài khoản nợ) Tiền hạch toán - theo tỷ giá ghi sổ của tài khoản có = ps nợ n.tệ * tggs của tk có. Phát sinh nợ theo đồng tiền hạch toán = ps nợ n.tệ * tggs của tài khoản nợ Các mã của các trường tự do.....
<i>Phần chi tiết hạch toán trong trường hợp chi cho nhiều khách hàng (loại phiếu chi bằng 3)</i>
Tài khoản nợ Tên tài khoản nợ Mã khách Tên khách Phát sinh nợ theo đồng tiền giao dịch Diễn giải (chi tiết cho từng hạch toán) Phát sinh nợ theo đồng tiền hạch toán Các mã của các trường tự do.
<i>Phần chi tiết hạch toán trong trường hợp cho vay, chi cho tạm ứng (loại phiếu chi bằng 4); nộp tiền vào ngân hàng, chuyển tiền sang ngân hàng khác (loại phiếu chi bằng 5); bán ngoại tệ (loại phiếu chi bằng 6); trả trước cho người bán (loại phiếu chi bằng 7); chi khác (loại phiếu chi bằng 9)</i>
Tài khoản nợ Tên tài khoản nợ Phát sinh nợ theo đồng tiền giao dịch Diễn giải (chi tiết cho từng hạch toán) Phát sinh nợ theo đồng tiền hạch toán

Các mã của các trường tự do.

Phần chi tiết hạch toán trong trường hợp chi thanh toán chi phí trực tiếp có thuế (loại phiếu chi bằng 8)

Tài khoản nợ

Tên tài khoản nợ

Phát sinh nợ theo đồng tiền giao dịch

Diễn giải (chi tiết cho từng hạch toán)

Loại hóa đơn

- Không có hóa đơn
- Hóa đơn GTGT giá chưa bao gồm thuế
- Hóa đơn GTGT giá đã bao gồm thuế (tem, vé...)
- Hóa đơn trực tiếp được khấu trừ lùi
- Hóa đơn trực tiếp không được khấu trừ

Nhiều hóa đơn: sử dụng trong trường hợp hạch toán chung trên 1 dòng tổng số tiền của nhiều hóa đơn.

– Phần tính tổng của phiếu chi

Tổng tiền hàng, dịch vụ.....

Tiền thuế.....

Tổng số tiền trên phiếu chi/giấy báo nợ.....

Trạng thái của chứng từ: 0 – Lập chứng từ, 1 – Đã chuyển vào sổ cái.

Số HĐ: danh sách các hóa đơn trong trường hợp chỉ rõ chi trả tiền cho các hóa đơn nào.

- Màn hình nhập liệu:

Phiếu chi tiền mat. Ky : 01/01/12-30/06/12

Loại phiếu chi	9	Khắc	Ngày ht	10/01/2012
Mã khách	VTMT	cty van tai MT	Ngày lập pc	10/01/2012
Địa chỉ	25 Hoang Hoa Tham, da nang		Quyển số	PC01
Ng. nhận tiền	nguyen van D		Số phiếu chi	PC 1
Lý do chi	tra tien van chuyen vat lieu		TGGS	VND 1
Tk có	1111	Tiền mặt Việt Nam	Hạn tt	0

Hạch toán | Hở thuế | F4 - Thêm dòng, F5 - Tính TGGS, F8 - Xóa dòng, ^Tab - Ra khỏi chi tiết

Stt	Tk nợ	Tên tài khoản	Ps nợ VND	Diễn giải	Mã vụ việc
1	331111	Phải trả ngắn hạn người bán: HĐ SXKD (VND)	3 150 000	tra tien van chuyen vat lieu	

☐ Sửa trường tiền
 ☐ Sửa tỷ giá ghi sổ
 ☐ Sửa thông tin thuế
 Tiền hh, dv 3 150 000

 Tiền thuế _____
 Trạng thái Đã ghi sổ cái
 Tổng tt 3 150 000

****Lưu ý khi in Ủy nhiệm chi trực tiếp từ chương trình***

Khi in UNC trực tiếp từ chương trình cần lưu ý là thông tin liên quan đến gân hàng chuyển đi được lấy từ thông tin cập nhật trong danh mục ngân hàng của doanh nghiệp, còn thông tin liên quan đến ngân hàng nhận tiền được lấy từ thông tin khai báo về ngân hàng của khách hàng trong danh mục khách hàng.

****Lưu ý khi nhập phiếu chi có liên quan đến thuế GTGT đầu vào***

Chương trình cho phép nhập trực tiếp các thông tin liên quan đến hóa đơn thuế GTGT đầu vào để chuyển vào bảng kê báo cáo thuế về các hóa đơn thuế GTGT đầu vào. Việc nhập cập nhật các thông tin này được thực hiện đối với loại phiếu chi bằng 8 – chi thanh toán chi phí trực tiếp bằng tiền.

Việc cập nhật thông tin về các hóa đơn thuế GTGT có thể thực hiện ở 2 nơi: trực tiếp tại tab hạch toán các chi tiết phát sinh hoặc tại tab các hóa đơn thuế GTGT.

Nếu nhập tại tab hạch toán thì thông tin sẽ tự động được chuyển sang tab các hóa đơn thuế GTGT.

Việc nhập tại tab hạch toán được sử dụng khi cần hạch toán chi tiết tất cả các chứng từ gốc phát sinh. Còn việc nhập tại tab hóa đơn thuế GTGT được sử dụng khi chỉ cần hạch toán tổng hợp số chi phí phát sinh.

Chương trình hỗ trợ việc tự động tính tiền thuế phụ thuộc vào loại hóa đơn thuế GTGT. Các hóa đơn được phân loại như sau:

- 1 - Hóa đơn GTGT giá chưa bao gồm thuế
- 2 - Hóa đơn GTGT giá đã bao gồm thuế (tem, vé...)
- 3 - Hóa đơn trực tiếp được khấu trừ lùi
- 4 - Hóa đơn trực tiếp không được khấu trừ
- 5 - Nhiều hóa đơn: sử dụng trong trường hợp hạch toán chung trên một dòng tổng số tiền của nhiều hóa đơn.

Đối với hóa đơn loại 1 – hóa đơn thuế GTGT giá chưa bao gồm thuế thì ta nhập tiền hàng, thuế suất và chương trình sẽ tính ra số tiền thuế.

Đối với hóa đơn loại 2 – hóa đơn thuế GTGT đã bao gồm thuế thì ta nhập tổng số tiền phải thanh toán, thuế suất và chương trình sẽ tự động tính ngược lại số tiền hàng và tiền thuế.

Trong trường hợp phân hạch toán chỉ hạch toán số tổng phát sinh mà không chi tiết cho từng hóa đơn đầu vào thì tại trường loại hóa đơn ta chọn loại 5 – Nhiều hóa đơn. Trong trường hợp này các hóa đơn thuế GTGT được cập nhập ở tab hóa đơn thuế. Để cập nhập ta chuyển sang tab này và bấm vào nút “Sửa thông tin thuế”.

Lưu ý là số liệu hạch toán liên quan đến thuế GTGT đầu vào để chuyển vào số cái được chương trình lấy từ tab hóa đơn thuế, vì vậy không cần phải hạch toán riêng 1 dòng hạch toán thuế ở tab hạch toán.

Khi lưu chứng từ chương trình sẽ kiểm tra số tiền hàng (chi phí) và số tiền thuế GTGT nhập ở phần hạch toán chi tiết và phần hóa đơn thuế. Nếu có sự khác nhau về tiền thuế giữa 2 màn hình nhập liệu thì chương trình sẽ không cho lưu và yêu cầu điều chỉnh lại. Còn đối với trường hợp tiền hàng (chi phí) nếu có sự khác nhau thì chương trình sẽ cảnh báo để kiểm tra lại nếu cần thiết, tuy nhiên chương trình vẫn cho lưu (do có thể có một số chi phí không có hóa đơn thuế).

2.5 Các thông tin cập nhật về hóa đơn thuế đầu vào

- Các thông tin về hóa đơn thuế đầu vào cần cập nhập gồm có:

Phiếu chi tiền mặt. Kỳ : 01/01/12-30/06/12

Loại phiếu chi	8	T/Á chi phí trực tiếp bằng tiền	Ngày ht	15/01/2012
Mã khách	NBB1	Người bán B1	Ngày lập pc	15/01/2012
Địa chỉ	25 Hoàng Văn Thụ, Thái nguyên		Quyển số	PC01
Ng. nhận tiền	nguyen van A		Số phiếu chi	PC 5
Lý do chi	Thanh toán tiền hàng		TGGS	VND 1
Tk có	1111	Tiền mặt Việt Nam	Hạn tt	0

Hạch toán: Hết thuế F4 - Thêm dòng, F5 - Tính TGGS, F8 - Xóa dòng, *Tab - Ra khỏi chi tiết

Mẫu bc	Mã tc	Số c.từ	Số seri	Ngày c.từ	Mã khách	Tên khách	Địa chỉ
31		321		15/01/2012	NBB1	Người bán B1	25 Hoàng Văn Thụ, Thái nguyên

☐ Sửa trường tiền
 ☐ Sửa tỷ giá ghi sổ
 ☐ Sửa thông tin thuế
 Tiền hh, dv 10 000 000

 Phải trả ngắn hạn người bán: HD SXKD (VND)
 Tiền thuế 1 000 000
 Xử lý Ghi vào sổ cái
 Tổng tt 11 000 000

– Mẫu báo cáo (mẫu báo cáo thuế đầu vào theo quy định của tổng cục thuế)

Số hóa đơn

Số seri

Ngày hóa đơn

Mã khách (nhà cung cấp)

Tên khách (tên nhà cung cấp)

Địa chỉ

Mã số thuế (của nhà cung cấp)

Hàng hóa, dịch vụ

Tiền hàng theo đồng tiền giao dịch

Tiền hàng theo đồng tiền hạch toán

Mã thuế suất

Thuế suất

Tiền thuế theo đồng tiền giao dịch

Tiền thuế theo đồng tiền hạch toán

Số tiền phải thanh toán theo đồng tiền hạch toán (theo tỷ giá giao dịch)

Số tiền phải thanh toán theo đồng tiền giao dịch

Tài khoản thuế

Cục thuế (trong trường hợp tài khoản thuế theo dõi như là tài khoản công nợ với đối tượng theo dõi công nợ phải thu là các cục thuế)

Ghi chú

Các mã của các trường tự do.

2.6 Báo cáo về tiền mặt và tiền gửi ngân hàng

Trong Fast Accounting có các báo cáo sau về tiền mặt và tiền gửi ngân hàng:

1. Sổ quỹ
2. Sổ quỹ in từng ngày
3. Sổ chi tiết của một tài khoản
4. Sổ tổng hợp chữ T của một tài khoản
5. Sổ chi tiết công nợ của một khách hàng
6. Bảng cân đối phát sinh theo ngày của một tài khoản
7. Bảng cân đối phát sinh các tiểu khoản của một tài khoản
8. Báo cáo số dư tại quỹ và tại ngân hàng
9. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp trực tiếp
10. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp gián tiếp
11. Sổ nhật ký thu tiền
12. Sổ nhật ký chi tiền
13. Bảng kê chứng từ
14. Bảng kê chứng từ theo khách hàng, vụ việc, tiểu khoản và tài khoản
đối ứng
15. Tổng hợp phát sinh theo khách hàng, vụ việc, tiểu khoản và tài khoản
đối ứng.

BÀI 3: QUẢN LÝ KHO

Mã bài: MD33_03

GIỚI THIỆU

Quản lý kho là việc khá phức tạp đối với doanh nghiệp sản xuất sản phẩm, từ công đoạn quản lý kho vật tư đến kho thành phẩm. việc áp dụng công nghệ thông tin vào quản lý kho sẽ giúp doanh nghiệp luôn chủ động trong việc báo cáo hàng, vật tư tồn kho để có kế hoạch nhập vật tư cho quá trình sản xuất được liên tục.

MỤC TIÊU

- Liệt kê các lệnh và chức năng của lệnh trong phần Kho;
- Cập nhật phần mềm, hệ thống chương trình;
- Cập nhật được các danh mục kho hàng, nghiệp vụ nhập, xuất hàng;
- Cập nhật được chứng từ mua hàng và bán hàng;
- Cập nhật được cách thức quản lý kho hàng và lên được báo cáo mua hàng và bán hàng.
- Có tư duy logic, cẩn thận, tỉ mỉ trong thao tác.

NỘI DUNG CHÍNH

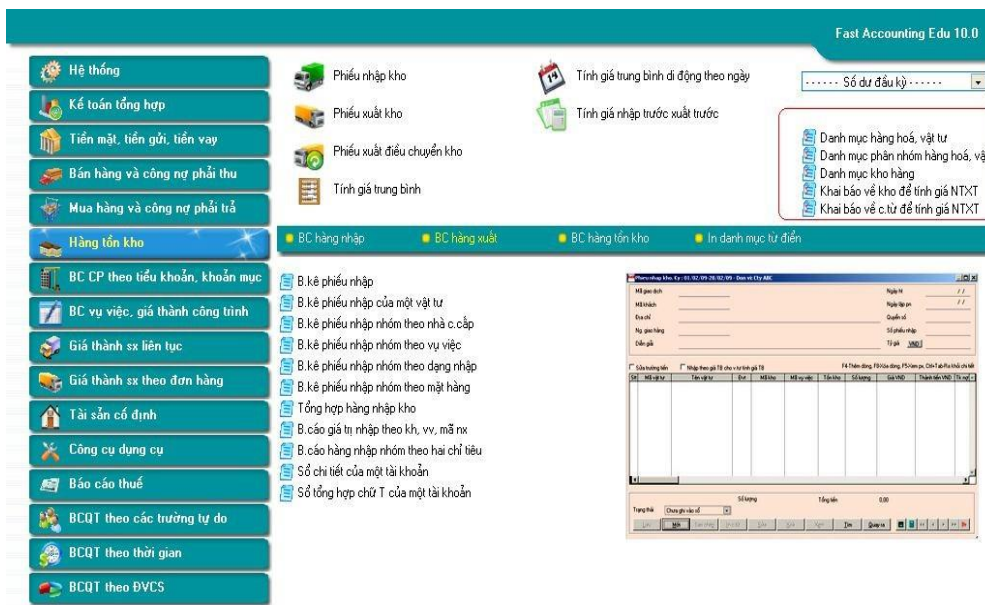
1 SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH

- Các chức năng chính của phân hệ kế toán hàng tồn kho
 - + Vào các phiếu nhập (nhập mua, nhập từ sản xuất và nhập khác)
 - + Vào các phiếu xuất (xuất cho sản xuất, xuất điều chuyển kho và xuất khác)
 - + Theo dõi tồn kho tức thời và tồn kho cuối kỳ
 - + Tính giá vật tư tồn kho: giá trung bình tháng, giá trung bình ngày, giá
 - + NTXT hoặc giá đích danh
 - + Cập nhật thông tin và phân loại danh điểm vật tư
 - + Theo dõi theo VNĐ và ngoại tệ
- Các menu chính của Phân hệ kế toán hàng tồn kho liên kết số liệu với phân hệ kế toán bán hàng, kế toán công nợ phải trả, kế toán công nợ phải thu, kế toán tổng hợp, kế toán chi phí giá thành.
 1. Cập nhật số liệu
 2. Báo cáo hàng nhập

3. Báo cáo hàng xuất
4. Báo cáo hàng tồn kho
5. Kiểm kê hàng tồn kho
6. Danh mục từ điển
7. In các danh mục từ điển

2 HỆ THỐNG

2.1 Khai báo các danh mục từ điển



2.1.1 Danh mục vật tư

Các thông tin về vật tư, hàng hoá gồm có:

Thêm vật tư	
Thông tin vật tư Thông tin trường tự do	
Mã vật tư	VL1
Mã phụ	
Tên vật tư	Vật liệu 1
Tên 2	
Đơn vị tính	kg
Theo dõi tồn kho	1 - Theo dõi tồn kho, 0 - Không theo dõi tồn kho
Cách tính giá tồn kho	1 - Trung bình tháng
Loại vật tư	21 - Nguyên vật liệu
Tài khoản kho	1521 - Nguyên liệu, vật liệu chính
Sửa tk kho	0 - Được sửa, 1 - Không được sửa
Tài khoản doanh thu	Tài khoản hàng bán bị trả lại
Tài khoản doanh thu nội bộ	Tài khoản chênh lệch giá vt
Tài khoản chiết khấu	Tài khoản nguyên vật liệu
Tài khoản giá vốn	Tài khoản sản phẩm dở dang
Tài khoản cp khuyến mại	
Nhóm vật tư 1, 2, 3	
Số lượng tồn tối thiểu	0,00
Ghi chú	

– Mã vật tư

- Mã phụ
 - Mã tra cứu
 - Tên vật tư
 - Tên tiếng Anh của vật tư
 - Đơn vị tính
 - Vật tư có theo dõi tồn kho hay không
 - Cách tính giá hàng tồn kho: giá trung bình tháng, giá trung bình di động, giá nhập trước xuất trước, giá đích danh
 - Loại vật tư:
- + 21 - Nguyên vật liệu,
 - + 22 - Phụ tùng, công cụ lao động,
 - + 51 - Thành phẩm,
 - + 61 - Hàng hoá.
- Tài khoản kho: dùng để tự động hạch toán tk kho trong phiếu nhập/xuất
 - Có/không cho phép sửa tài khoản kho: dùng trong trường hợp cùng một vật tư có thể nằm trên 2 tài khoản khác nhau thì phải cho phép sửa tài khoản kho
 - Tài khoản doanh thu: dùng để tự động hạch toán tk doanh thu trong hóa đơn bán hàng
 - Tài khoản doanh thu nội bộ: dùng để tự động hạch toán tk doanh thu nội bộ trong hóa đơn bán hàng
 - Tài khoản chiết khấu: dùng để tự động hạch toán tk chiết khấu trong hóa đơn bán hàng
 - Tài khoản giá vốn hàng bán: dùng để tự động hạch toán tk giá vốn trong hóa đơn bán hàng
 - Tài khoản hàng bán bị trả lại: dùng để tự động hạch toán tk hàng bán bị trả lại phiếu nhập hàng bán bị trả lại
 - Tài khoản chênh lệch tính giá hàng tồn kho: sử dụng khi tự động định khoản tiền chênh lệch của hàng tồn kho khi tính giá trung bình
 - Tài khoản chi phí: dùng để tự động hạch toán tk chi phí trong phiếu xuất sử dụng
 - Tài khoản sản phẩm dở dang: sử dụng để thực hiện các tính toán liên quan đến giá thành

- Tài khoản chi phí khuyến mãi: dùng để tự động hạch toán tk chi phí khuyến mãi trong hóa đơn bán hàng.
- Phân nhóm vật tư 1 ; Phân nhóm vật tư 2 ; Phân nhóm vật tư 3
- Số lượng tồn tối thiểu
- Số lượng tồn tối đa
- Ghi chú
- Các trường tự do.

2.1.2 Danh mục nhóm vật tư, hàng hoá

Để phân loại vật tư, hàng hoá ta dùng danh mục phân nhóm vật tư, hàng hoá. Fast Accounting có 03 trường để thực hiện việc phân nhóm cho các vật tư, hàng hoá. Ví dụ ta có thể phân nhóm 1 theo mục đích sử dụng, phân nhóm 2 theo nước sản xuất, nhóm 3 theo tính chất của hàng hóa vật tư.

- Các thông tin về danh mục phân nhóm vật tư, hàng hoá gồm có:
 - + Loại nhóm
 - + Mã nhóm
 - + Tên nhóm
 - + Tên tiếng Anh của nhóm.
- Danh mục kho hàng
 - + Các thông tin về kho hàng gồm có:
 - + Mã kho
 - + Tên kho
 - + Tên tiếng Anh của kho
 - + Loại kho: kho của công ty hay kho đại lý
 - + Tài khoản hàng gửi bán tại đại lý (trong trường hợp kho là kho đại lý).

2.2 **Cập nhật tồn kho đầu kỳ và kết chuyển số tồn kho sang năm sau**

2.2.1 Cập nhật số tồn kho đầu kỳ

Số tồn kho đầu kỳ (số lượng và giá trị) của các mặt hàng ở các kho được cập nhật ở phần vào số tồn kho đầu kỳ.

Người sử dụng chỉ phải cập nhật số tồn kho đầu kỳ 1 lần khi bắt đầu sử dụng Fast Accounting. Đối với các kỳ tiếp theo trong năm và của cả các năm sau số tồn kho sẽ do chương trình tự động tính toán và kết chuyển.

Đối với các vật tư tính tồn kho theo phương pháp nhập trước xuất trước thì phải nhập số tồn kho cho từng phiếu nhập ở cập nhật tồn kho nhập trước xuất trước và sau đó chương trình sẽ tự động tính và lưu tổng số tồn kho của từng vật tư ở các phiếu nhập.

Mã kho	KCC	kho công cụ
Vật tư	CC1	công cụ 1
Tồn đầu	20,00	chiếc
Dư đầu	40 000 000	
Dư đầu ngoại tệ		

Nhập Hủy bỏ

2.2.2 Cập nhật số tồn kho đầu kỳ của vật tư hàng hóa tính giá theo phương pháp NTXT

Đối với các vật tư tính giá tồn kho theo phương pháp nhập trước xuất trước ta phải khai báo số tồn đầu (về số lượng và giá trị) của từng phiếu nhập mà chưa xuất hết.

Trường hợp lần đầu tiên sử dụng chương trình, có thể coi toàn bộ số tồn kho đầu kỳ là một phiếu nhập chưa xuất hết và nhập một phiếu đầu kỳ duy nhất.

Sau khi nhập tồn đầu của các phiếu nhập chương trình sẽ tự động cộng dồn và chuyển sang tồn đầu cho các kho và ta không phải nhập tổng số tồn kho (số tổng) nữa.

Ngày chứng từ	31/12/2009	
Số chứng từ	0123	
Mã kho	KH01	Kho 1
Mã vật tư	SPX	san pham X
Mã ngoại tệ	VND	
Tồn đầu	100,00	
Dư đầu	10 000 000	
Dư đầu ngoại tệ		

Nhập Hủy bỏ

2.2.3 Kết chuyển số tồn kho cuối năm sang năm sau

Sau khi đã cập nhật xong số liệu của năm trước, ta thực hiện kết chuyển số tồn kho sang năm sau.

Kết chuyển số tồn kho sang đầu năm sau được thực hiện ở menu “Kế toán hàng tồn kho / Cập nhật số liệu/Kết chuyển tồn kho sang năm sau”.

Nếu sau khi đã kết chuyển số tồn kho mà ta sửa lại số liệu của năm trước khi kết chuyển có ảnh hưởng đến số tồn kho thì phải thực hiện kết chuyển lại.

2.3 Cập nhật chứng từ đầu vào

- Các loại chứng từ đầu vào của phân hệ kế toán hàng tồn kho
- + Trong phân hệ kế toán hàng tồn kho có 3 loại chứng từ:
- + Phiếu nhập kho
- + Phiếu xuất kho
- + Phiếu xuất điều chuyển



2.4 Phiếu nhập kho

Phiếu nhập kho dùng để cập nhật các phiếu nhập thành phẩm từ sản xuất, nhập trả lại các NVL từ sản xuất, nhập khác.

Các phiếu nhập mua được cập nhật ở phân hệ kế toán mua hàng và công nợ phải trả.

Trong trường hợp điều chuyển kho qua 2 bước thì phiếu nhập điều chuyển được cập nhật ở menu này. Nếu thực hiện điều chuyển kho 1 bước thì phiếu nhập điều chuyển cập nhật ở menu phiếu xuất điều chuyển kho.

2.4.1 Các thông tin của phiếu nhập kho

- Phần thông tin chung về chứng từ:

Mã giao dịch: 4 - Nhập từ sản xuất, 9 - Nhập khác

Mã nhà cung cấp

Tên nhà cung cấp

Địa chỉ

Người giao hàng

Diễn giải

Số phiếu nhập

Ngày hạch toán

Ngày lập phiếu nhập

Mã ngoại tệ

Tỷ giá

– Phân chi tiết các mặt hàng:

Mã hàng

Tên hàng

Đơn vị tính

Mã kho

Số lượng tồn kho hiện thời

Số lượng nhập

Đơn giá nhập theo đồng tiền giao dịch

Thành tiền theo đồng tiền giao dịch

Đơn giá nhập theo đồng tiền hạch toán

Thành tiền theo đồng tiền hạch toán

Tài khoản nợ (tài khoản vật tư tồn kho)

Tài khoản có

Các mã của các trường tự do.

– Phân tính tổng của phiếu nhập

Tổng số lượng vật tư nhập kho

Tổng tiền hàng nhập kho

Trạng thái: 0 – Lập chứng từ, 1 – Đã chuyển vào sổ kho, 2 – Đã chuyển vào sổ cái.

2.4.2 Mẫu phiếu nhập kho

Phiếu nhập kho. Kỳ : 01/01/12-31/01/12

Mã giao dịch	4	Ngày ht	05/01/2012
Mã khách	X1	Ngày lập pn	05/01/2012
Địa chỉ	thai nguyen	Quyển số	PNTPO1
Ng. giao hàng	Nguyen van A	Số phiếu nhập	TP3
Diễn giải	Nhap kho san pham hoan thanh	Tỷ giá	VND 1

☐ Sửa trường tiền ☐ Nhập theo giá TB cho v.tư tính giá TB F4-Thêm dòng, F8-Xóa dòng, F5-Xem px, ^Tab-Ra khỏi chi tiết

Stt	Mã vật tư	Tên vật tư	Đvt	Mã kho	Mã vụ việc	Tồn kho	Số lượng	Giá VND	Thành tiền VND	Tk nợ
1	SPY	san pham Y	chiec	KHO1		1 800,00	2 000,00	20 000	40 000 000	155
2				KHO1				0	0	

Số lượng: 2 000,00 Tổng tiền: 40 000 000

Xử lý:

Lưu ý khi cập nhật phiếu nhập kho

Liên quan đến hạch toán tài khoản nợ (tài khoản vật tư) thì chương trình sẽ tự động hạch toán dựa trên khai báo tài khoản vật tư của mặt hàng trong danh mục hàng hoá, vật tư ở phân hệ kế toán hàng tồn kho.

Trong một số trường hợp khi nhập kho có thể sẽ không biết giá mà sẽ nhập theo giá trung bình trong kỳ. Lúc này chỉ việc đánh dấu là phiếu nhập theo giá trung bình và khi tính giá trung bình chương trình sẽ tự động cập nhật giá trung bình cho các phiếu nhập kho này.

Chương trình còn cho phép tra cứu giá của các phiếu xuất để cập nhật giá cho phiếu nhập (dùng phím F5).

2.5 Phiếu xuất kho

Phiếu xuất kho dùng để cập nhật các phiếu xuất NVL, CCLĐ... cho sản xuất, cho sử dụng và xuất khác.

Xuất bán được cập nhật ở menu hóa đơn bán hàng kèm phiếu xuất kho tại phân hệ kế toán bán hàng và công nợ phải thu.

Trong trường hợp điều chuyển kho qua 2 bước thì phiếu xuất điều chuyển được cập nhật ở menu này. Nếu thực hiện điều chuyển kho 1 bước thì phiếu xuất điều chuyển cập nhật ở menu phiếu xuất điều chuyển kho.

Trong trường hợp nhập mua và xuất thẳng luôn thì sử dụng màn hình phiếu nhập xuất thẳng ở phân hệ kế toán mua hàng và công nợ phải trả.

2.5.1 Các thông tin của phiếu xuất kho

– Phần thông tin chung về chứng từ:

Mã giao dịch: 4 - Xuất cho sản xuất, 9 - Xuất khác

Mã khách hàng

Tên khách hàng Địa chỉ

Người nhận hàng

Diễn giải

Số phiếu xuất

Ngày hạch toán

Ngày lập phiếu xuất

Mã ngoại tệ

Tỷ giá

– Phần chi tiết các mặt hàng:

Mã hàng

Tên hàng

Đơn vị tính

Mã kho

Số lượng tồn kho hiện thời

Số lượng xuất

Đơn giá xuất theo đồng tiền giao dịch

Thành tiền theo đồng tiền giao dịch

Đơn giá xuất theo đồng tiền hạch toán

Thành tiền theo đồng tiền hạch toán

Tài khoản nợ

Tài khoản có (tài khoản vật tư tồn kho)

Các mã của các trường tự do.

– Phân tính tổng của phiếu xuất

Tổng số lượng vật tư xuất kho

Tổng tiền hàng xuất kho

Trạng thái: 0 – Lập chứng từ, 1 – Đã chuyển vào sổ kho, 2 – Đã chuyển vào sổ cái.

2.5.2 Mẫu phiếu xuất kho

Mã giao dịch	9	Xuất khác	Ngày ht	12/01/20
Mã khách	CTY	cong ty	Ngày lập px	12/01/20
Địa chỉ	Thai Nguyen		Quyển	P
Ng. nhận hàng	Nguyen van A		Số phiếu xuất	P
Diễn giải	Xuất nhiên liệu phục vụ bộ phận quản lý		Tỷ giá	VND

Sửa trường tiền ☐ Xuất theo giá đích danh cho v.tư tính giá TB F4-Thêm dòng, F8-Xóa, F5-Xem pn, Ctrl+Tab-Ra khỏi chi

Mã vật tư	Tên hàng	Đvt	Mã kho	Mã vụ việc	Tồn kho	Số lượng	Giá VND	Thành tiền VND
NL2	nhiên liệu 2	lít	KNL			30,00	100 000	3 000 000
NL3	nhiên liệu 3	lít	KNL			20,00	110 000	2 200 000
					Số lượng	50,00	Tổng tiền	5 200 000

Trạng thái

Các lưu ý khi cập nhật phiếu xuất kho

Liên quan đến hạch toán tài khoản có (tài khoản vật tư) và tài khoản nợ thì chương trình sẽ tự động hạch toán dựa trên khai báo tài khoản vật tư và tài khoản chi phí của mặt hàng trong danh mục hàng hoá, vật tư ở phân hệ kế toán hàng tồn kho.

Trong một số trường hợp đối với các vật tư tính giá tồn kho theo phương pháp trung bình nhưng lại xuất theo giá đích danh thì ta phải đánh dấu là phiếu xuất kho theo giá đích danh. Cuối tháng, khi tính giá trung bình, chương trình sẽ không cập nhật giá lại giá cho các phiếu xuất này.

Chương trình còn cho phép tra cứu giá của các phiếu nhập để cập nhật giá cho phiếu xuất (dùng phím F5).

Khi cập nhật phiếu nhập xuất chương trình sẽ tính ngay số tồn kho tức thời.

Trong phần “Khai báo tham số tùy chọn” ta có thể khai báo có/không hiện lên trường tồn kho tức thời trên các màn hình phiếu nhập xuất.

Ngoài ra chương trình cho phép khai báo là có/không kiểm tra việc xuất âm và chỉ cảnh báo/không cho phép xuất kho nếu không đủ số lượng (xuất âm).

Trong một số trường hợp đặc biệt vì một lý do nào đó, ví dụ mất điện đột ngột, thì số tồn kho tức thời có thể bị sai. Khi này ta phải chạy chức năng “Tính lại số lượng tồn kho tức thời” của chương trình.

2.6 Phiếu xuất điều chuyển

Trong trường hợp điều chuyển kho 1 bước thì phiếu xuất điều chuyển được cập nhật ở menu này. Khi này chương trình tự động tạo luôn phiếu nhập kho điều chuyển. Nếu thực hiện điều chuyển kho qua 2 bước thì phiếu xuất điều chuyển cập nhật ở menu phiếu xuất kho.

2.6.1 Các thông tin phiếu xuất điều chuyển kho

- Phần thông tin chung về chứng từ:

Mã kho xuất

Tên kho xuất

Mã kho nhập

Tên kho nhập

Người nhận hàng Diễn giải

Số phiếu xuất

Ngày hạch toán

Ngày lập phiếu xuất

Mã ngoại tệ

Tỷ giá

- Phần chi tiết các mặt hàng:

Mã hàng

Tên hàng

Đơn vị tính

Số lượng tồn kho hiện thời

Số lượng xuất

Đơn giá xuất theo đồng tiền giao dịch

Thành tiền theo đồng tiền giao dịch

Đơn giá xuất theo đồng tiền hạch toán

Thành tiền theo đồng tiền hạch toán

Tài khoản nợ

Tài khoản có (tài khoản vật tư tồn kho)

Các mã của các trường tự do.

– Phần tính tổng của phiếu xuất

Tổng số lượng vật tư xuất kho

Tổng tiền hàng xuất kho

Trạng thái: 0 – Lập chứng từ, 1 – Đã chuyển vào sổ kho, 2 – Đã chuyển vào sổ cái.

2.6.2 Mẫu phiếu xuất điều chuyển kho

Phiếu xuất điều chuyển kho. Kỳ : 01/12/05-31/12/05 - Đơn vị: Cty TNHH A.N.H

Mã kho xuất KHH Ngày ht 13/12/2005
Mã kho nhập Ngày lập px / /
Ng. nhận hàng Quyển số
Diễn giải Số px
Tỷ giá VND 1.00

☐ Sửa trường tiền ☐ Xuất theo giá đích danh cho VT tính giá TB F4-Thêm dòng, F8-Xóa dòng, F5-Xem pn, Ctrl+Tab-Ra khỏi chi tiết

Mã hàng	Tên hàng	Đvt	Mã Vt	Tồn kho	Số lượng	Giá VND	Tiền VND	Tk nợ	Tk có
						0.00	0		

Số lượng Tổng tiền 0

Trạng thái Chuyển sổ cái

Lưu Mới Copy In chữ Hủy bỏ Xóa Xem Tìm Quay ra

2.7 Tính giá và cập nhật giá hàng tồn kho

Fast Accounting cho phép đánh giá hàng tồn kho theo 04 phương pháp khác nhau:

Giá trung bình tháng,

Giá trung bình di động (theo ngày),

Giá đích danh

Giá nhập trước xuất trước.

Hơn thế nữa, đối với các vật tư khác nhau có thể chọn các phương pháp đánh giá hàng tồn kho khác nhau.

Việc khai báo phương pháp tính giá của các vật tư tính giá được thực hiện ở phần khai báo các thông tin về vật tư.

Dưới đây là các điểm cần lưu ý đối với từng phương pháp tính giá hàng tồn kho.

2.7.1 Tính giá hàng tồn kho theo phương pháp giá trung bình tháng (kỳ)

Giá xuất kho được tính vào cuối tháng hoặc cuối kỳ (quý, 6 tháng, 1 năm) sau khi ta đã cập nhật xong tất cả các chứng từ đầu vào của các hàng hóa vật tư. Giá này được tính và cập nhật cho các phiếu xuất, cập nhật vào giá vốn của các hoá đơn bán hàng và các phiếu nhập theo giá trung bình.

Chức năng tính giá trung bình được thực hiện ở menu “Tính đơn giá trung bình”. Chương trình cho phép tính giá trung bình di động, trung bình cho một tháng, một quý, 6 tháng hoặc cả năm tùy theo lựa chọn của người sử dụng.

Các chi phí nhập mua, các điều chỉnh chỉ liên quan đến giá trị có thể được cập nhật như một bản ghi bình thường (có mã kho, mã vật tư) nhưng số lượng = 0. Chương trình tự động tính các chi phí này vào giá vốn của vật tư, hàng hoá.

Nếu một vật tư tính giá trung bình như xuất ra theo giá đích danh thì phải đánh dấu vào phiếu xuất là xuất theo giá đích danh. Khi tính giá chương trình sẽ không áp giá cho phiếu xuất này và khi tính giá chương trình cũng trừ bớt đầu vào chính bằng phiếu xuất này.

Trong trường hợp một vật tư có thể nằm ở nhiều kho thì có 02 khả năng xác định giá tồn kho: một giá trung bình chung cho toàn công ty (cho tất cả các kho) hoặc mỗi vật tư ở mỗi kho có một giá riêng. Ta có thể lựa chọn một trong 02 khả năng này và khai báo cho chương trình biết trong phần "Tham số tùy chọn".

Trường hợp sử dụng giá trung bình chung cho vật tư ở nhiều kho thì các phiếu nhập điều chuyển theo giá trung bình và các phiếu nhập khác theo giá trung bình sẽ không tham gia vào quá trình tính toán giá. Ngoài ra, chương trình cũng trừ đi về số lượng và giá trị đúng bằng tổng số lượng và giá trị của các phiếu xuất giá đích danh của các vật tư tính giá tồn kho theo phương pháp trung bình tháng.

Nếu sử dụng giá chung thì khi lên báo cáo nhập xuất tồn cho toàn công ty sẽ không xuất hiện chênh lệch giữa “Giá trị tồn cuối tháng” và “Số lượng tồn cuối tháng* Đơn giá trung bình”. Nhưng khi lên báo cáo nhập xuất tồn cho một kho riêng biệt hoặc một nhóm kho thì có thể xảy ra chênh lệch và giá trị chênh lệch này có thể lớn nhỏ tùy theo biến động của giá nhập trong kỳ ở các kho và giá tồn đầu kỳ ở các kho. Vì vậy ta khi lên báo cáo nhập xuất tồn cho một kho hoặc một nhóm

kho thì nếu chỉ in về mặt số lượng mà không in về mặt giá trị. Còn các báo cáo riêng về giá trị tồn cuối hoặc tổng nhập hoặc tổng xuất trong kỳ thì có thể cả về số lượng và giá trị. Một phương án khác để xử lý các chênh lệch là ta phải tạo các bút toán bù trừ chênh lệch. Việc này có thể thực hiện tự động bằng chương trình khi ta thực hiện tính giá trung bình.

Khi tính giá trung bình cho từng vật tư ở từng kho thì có xảy ra các chênh lệch do trong Fast Accounting đơn giá được lưu trữ chỉ có 02 chữ số sau dấu phẩy thập phân. Các chênh lệch này thường rất nhỏ, nhưng cũng có thể lớn nếu như số lượng nhập xuất tồn lớn.

Giá trị chênh lệch = (Giá trị tồn cuối tháng - Số lượng tồn cuối tháng* Đơn giá trung bình) có thể in ra và xử lý tùy theo ý của người sử dụng hoặc sẽ do chương trình tự động hạch toán bằng các phiếu xuất vào tài khoản chênh lệch.

Đối với giá trung bình di động thì chương trình tính giá trung bình hàng ngày (trong cùng 1 ngày thì mỗi vật tư đều có một giá chung cho tất cả các phiếu xuất).

Lưu ý quan trọng:

Trong trường hợp tính giá trung bình cho từng kho mà có phiếu xuất điều chuyển theo giá trung bình theo 02 chiều từ kho A sang kho B và ngược lại từ kho B sang kho A hoặc từ kho A sang kho B, sau đó sang kho C và lại quay về kho A thì chương trình không tính được giá trung bình của một vật tư ở từng kho. Nhưng nếu chỉ có các điều chuyển một chiều từ kho A sang B rồi sang C... nhưng không có điều chuyển ngược lại về A thì chương trình vẫn tính được giá trung bình của một vật tư cho từng kho.

2.7.2 Tính giá hàng tồn kho theo phương pháp giá trung bình di động (theo ngày)

Chương trình cho phép tính giá hàng tồn theo phương pháp trung bình di động theo ngày – mỗi ngày chương trình sẽ tính lại giá trung bình và các phiếu xuất trong ngày có cùng 1 giá xuất.

Cách tính và các lưu ý đều giống như phương pháp giá trung bình tháng (kỳ) và có thể đọc ở mục trên.

2.7.3 Tính giá hàng tồn kho theo phương pháp giá nhập trước xuất trước (NTXT)

Giá NTXT được Fast Accounting tính cho các phiếu xuất bằng cách trừ dần từ các phiếu nhập theo nguyên tắc nhập trước xuất trước.

Giá NTXT không được tính ngay khi làm phiếu xuất. Giá xuất NTXT chỉ được cập nhật khi ta chạy chức năng “Tính đơn giá NTXT”. Lưu ý là Fast Accounting

chỉ đưa ra đơn giá xuất cuối cùng chứ không chỉ ra cho người sử dụng biết là phiếu xuất được xuất từ các phiếu nhập nào.

Chức năng tính giá NTXT được thực hiện ở menu “Tính đơn giá nhập trước xuất trước”.

Trong việc tính giá NTXT thì điều quan trọng là phải xác định phiếu nào trước và phiếu nào là sau.

Trình tự trước sau trong Fast Accounting được xác định theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Ngày của các phiếu xuất
- Tính giá cho tất cả các phiếu xuất điều chuyển
- Tính giá cho các hoá đơn và các phiếu xuất khác
- Trong mỗi bước tính 2 và 3 thì do có nhiều kho khác nhau, nhiều loại chứng từ nhập xuất khác nhau với hệ thống đánh số khác nhau nên các tính toán lại được thực hiện theo ưu tiên sau:
 - Số thứ tự ưu tiên của các kho
 - Số chứng từ của các phiếu xuất
 - Số thứ tự ưu tiên của các phiếu nhập
 - Số chứng từ của các phiếu nhập.
- Lý do phải xét thứ tự ưu tiên như trên được giải thích như sau:

Phiếu xuất điều chuyển được ưu tiên số 1 vì: Giá của phiếu xuất điều chuyển sẽ là giá nhập của kho đối ứng nên để phải tính trước thì mới tính tiếp cho các phiếu xuất khác. Trong Fast Accounting phiếu nhập điều chuyển có số chứng từ bằng số chứng từ của phiếu xuất điều chuyển vì vậy nó sẽ khác hệ thống đánh số của các phiếu nhập mua và nhập khác. Để giải quyết 02 vấn đề không rõ ràng trên trong Fast Accounting phiếu xuất điều chuyển được xếp ưu tiên số 1.

Trong trường hợp có nhiều kho và có sự điều chuyển giữa các kho thì chương trình không thể nhận biết được chứng từ nào phát sinh trước vì chúng có thể được đánh số theo các hệ thống của từng kho. Để giải quyết vấn đề không rõ ràng này ta phải đánh số thứ tự ưu tiên cho các kho trong vấn đề điều chuyển. Ví dụ kho trung tâm là ưu tiên số 1, tiếp theo là các kho khác. Việc đánh số thứ tự ưu tiên cho các kho được thực hiện ở phần khai báo “Danh mục kho”.

Có nhiều loại phiếu khác nhau và mỗi phiếu lại có thể có hệ thống đánh số chứng từ khác nhau. Ví dụ hệ thống đánh số hóa đơn khác với hệ thống đánh số của các phiếu xuất kho. Vì vậy để biết phiếu nào là trước hay là sau ta phải có đánh

số thứ tự ưu tiên cho các chứng từ vật tư. Số thứ tự ưu tiên do Fast Accounting quy định và có thể xem ở trường Stt_NTXT trong phần khai báo về “Danh mục chứng từ”.

Lưu ý quan trọng:

Trong trường hợp phiếu nhập chi phí mua hàng được tính vào giá vốn thì phải chỉ rõ chi phí này được gán cho phiếu nhập nào để chương trình có thể tính được giá. Các phiếu nhập chi phí này được nhập ở mục phiếu nhập chi phí. Ngoài ra, các phiếu nhập chi phí phải cùng tháng với phiếu nhập mua.

2.7.4 Tính giá hàng tồn kho theo phương pháp giá đích danh

Trong trường hợp này người sử dụng phải tự xác định và tự gõ giá xuất/giá vốn và chương trình không can thiệp gì cả. Chương trình chỉ dựa trên các giá do người sử dụng nhập vào để tính ra giá trị tồn kho.

2.8 Báo cáo hàng tồn kho

2.8.1 Báo cáo hàng nhập

- Bảng kê phiếu nhập
- Bảng kê phiếu nhập của một mặt hàng, vật tư
- Bảng kê phiếu nhập nhóm theo nhà cung cấp
- Bảng kê phiếu nhập nhóm theo vụ việc
- Bảng kê phiếu nhập nhóm theo dạng nhập
- Bảng kê phiếu nhập nhóm theo mặt hàng
- Tổng hợp hàng nhập kho
- Báo cáo giá trị hàng nhập theo khách hàng, vụ việc, mã nhập xuất
- Báo cáo hàng nhập nhóm theo 2 chỉ tiêu
- Ngoài ra, cho tiện lợi, trong phần này chương trình còn cung cấp các báo cáo:
 - Sổ chi tiết của một tài khoản
 - Sổ tổng hợp chữ T của một tài khoản.

2.8.2 Báo cáo hàng xuất

- Bảng kê phiếu xuất
- Bảng kê phiếu xuất của một mặt hàng, vật tư
- Bảng kê phiếu xuất nhóm theo khách hàng
- Bảng kê phiếu xuất nhóm theo vụ việc
- Bảng kê phiếu xuất nhóm theo dạng xuất

- Bảng kê phiếu xuất nhóm theo mặt hàng
- Tổng hợp hàng xuất kho
- Báo cáo giá trị hàng xuất theo khách hàng, vụ việc, mã nhập xuất
- Báo cáo hàng xuất nhóm theo 2 chỉ tiêu
- Ngoài ra, cho tiện lợi, trong phần này chương trình còn cung cấp các báo cáo:
- Sổ chi tiết của một tài khoản
- Sổ tổng hợp chữ T của một tài khoản.

2.8.3 Báo cáo hàng tồn kho

- Chương trình cung cấp các báo cáo sau về nhập xuất tồn kho:
- Thẻ kho / Sổ chi tiết vật tư
- Thẻ kho / Sổ chi tiết vật tư (lên cho tất cả các vật tư của một kho)
- Hỏi số tồn kho của một vật tư
- Tổng hợp nhập xuất tồn
- Báo cáo tồn kho
- Báo cáo tồn theo kho
- Báo cáo tồn kho đầu kỳ
- Báo cáo tồn kho theo phiếu nhập (giá NTXT)
- Báo cáo tồn kho dưới định mức min
- Báo cáo tồn kho trên định mức max
- Bảng giá trung bình tháng
- Ngoài ra, cho tiện lợi, trong phần này chương trình còn cung cấp các báo cáo:
- Sổ chi tiết của một tài khoản
- Sổ tổng hợp chữ T của một tài khoản.

BÀI 4: TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Mã bài: MD33_04

GIỚI THIỆU

Bài 4 hướng dẫn thực hiện quản lý tài sản cố định theo đúng quy định nhà nước. Quá trình quản lý tài sản từ khi phát sinh tài sản, khấu hao trong quá trình sử dụng, lưu chuyển giữa các bộ phận với nhau, cuối cùng là thanh lý. Việc quản lý tài sản chắc chắn giúp doanh nghiệp giảm chi phí đầu tư.

MỤC TIÊU

- Liệt kê các lệnh và chức năng của lệnh trong phần tài sản cố định;
- Cập nhật và phân loại được tài sản;
- Cập nhật được cách thức tính khấu hao với từng loại tài sản và lên được báo cáo tài sản;
- Có tư duy logic, cẩn thận, tỉ mỉ trong thao tác.

NỘI DUNG CHÍNH

1 SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH

- Các chức năng chính
- + Theo dõi tài sản cố định về nguyên giá, giá trị khấu hao, giá trị còn lại, nguồn vốn, bộ phận sử dụng, mục đích sử dụng, nước sản xuất, ngày đưa vào sử dụng,...
- + Theo dõi các thay đổi về tài sản như: tăng giảm giá trị, thôi tính khấu hao, giảm tài sản, điều chuyển tài sản giữa các bộ phận.
- + Tính khấu hao và lên bảng phân bổ khấu hao.
- + Tạo bút toán hạch toán phân bổ khấu hao TSCĐ.
 - Hệ thống menu của phân hệ kế toán TSCĐ
- 1. Cập nhật số liệu
- 2. Báo cáo kiểm kê về tài sản cố định
- 3. Báo cáo tăng giảm tài sản
- 4. Báo cáo khấu hao và phân bổ khấu hao
- 5. Danh mục từ điển
- 6. In các danh mục từ điển.

2 HỆ THỐNG

2.1 Khai báo các danh mục từ điển

– Danh mục nguồn vốn hình thành TSCĐ

Các thông tin về nguồn vốn TSCĐ:

- + Mã nguồn vốn của TSCĐ
- + Tên nguồn vốn của TSCĐ
- + Tên tiếng Anh của nguồn vốn TSCĐ

– Danh mục lý do tăng giảm TSCĐ

Các thông tin về lý do tăng giảm TSCĐ:

- + Loại tăng giảm tài sản: 1-Tăng, 2-Giảm.
- + Mã lý do tăng giảm tài sản
- + Tên lý do tăng giảm tài sản
- + Tên tiếng Anh của lý do tăng giảm tài sản

– Danh mục nhóm tài sản

Danh mục nhóm tài sản theo quy định của Bộ Tài chính gồm có các nhóm sau:

- + Nhà cửa, vật kiến trúc
- + Máy móc, thiết bị
- + Phương tiện vận tải
- + Thiết bị, dụng cụ quản lý
- + Tài sản cố định hữu hình khác

– Danh mục phân nhóm TSCĐ

Để phân loại các TSCĐ có thể dùng danh mục phân nhóm các TSCĐ. Fast Accounting có 03 trường để thực hiện việc phân nhóm các TSCĐ.

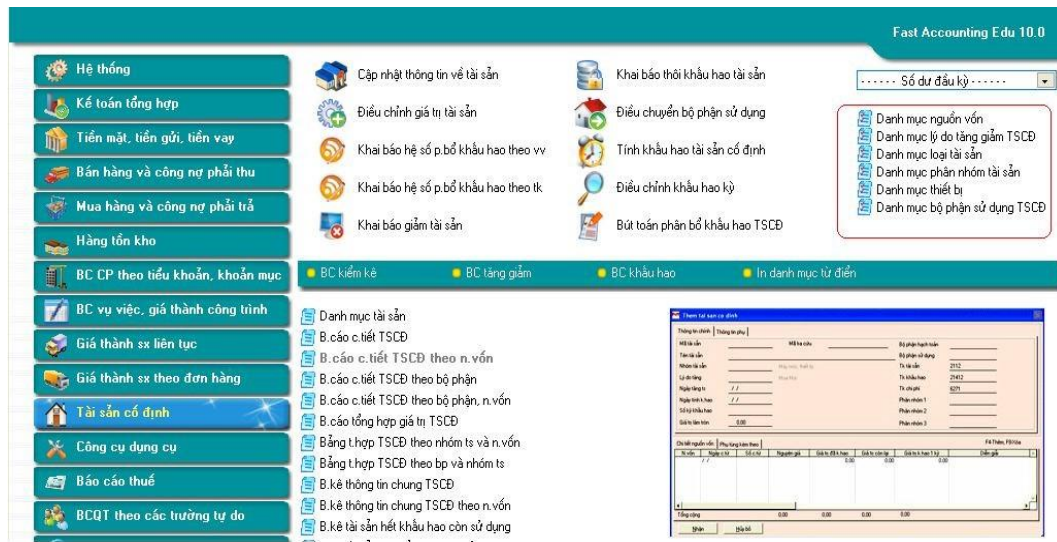
Các thông tin về danh mục phân nhóm các TSCĐ gồm có:

- + Kiểu phân nhóm
- + Mã nhóm
- + Tên nhóm

- + Tên tiếng Anh của nhóm.
 - Danh mục bộ phận sử dụng TSCĐ

Các thông tin về bộ phận sử dụng TSCĐ:

- + Mã bộ phận
- + Tên bộ phận
- + Tên tiếng Anh của bộ phận



2.2 Khai báo thông tin về tài sản

Các thông tin chính về tài sản được Fast Accounting quản lý bao gồm:

Sửa tài sản cố định

Thông tin chính | Thông tin phụ

Mã tài sản	D101	Mã tra cứu		Mã phân xưởng	
Tên tài sản	day chuyen 1			Mã phí	
Nhóm tài sản	L02	Máy móc, thiết bị		Bộ phận sử dụng	BH
Lý do tăng	T1	Mua mới		Tk tài sản	2112
Ngày tăng ts	01/01/2012			Tk khấu hao	21412
Ngày tính k.hao	01/01/2012			Tk chi phí	6414
Số kỳ khấu hao	240			Phân nhóm 1	
Giá trị làm tròn	0			Phân nhóm 2	
Bộ phận hạch toán				Phân nhóm 3	

Chi tiết nguồn vốn | Phụ tùng kèm theo | F4-Thêm, F8-Xóa

N.vốn	Ngày c.từ	Số c.từ	Nguyên giá	Giá trị đ.k.hao	Giá trị còn lại	Giá trị k.hao 1 kỳ	Diễn giải
N2	01/01/2012	02	50 000 000	10 000 000	40 000 000	208 333	Mua mới
Tổng cộng			50 000 000	10 000 000	40 000 000	208 333	

Nhận | Hủy bỏ

- Mã đơn vị cơ sở
- Mã tài sản (số thẻ)
- Tên tài sản

- Phân loại/nhóm tài sản (theo quy định của Bộ tài chính)
- Lý do tăng tài sản
- Ngày tăng tài sản
- Ngày bắt đầu tính khấu hao
- Số kỳ tính khấu hao
- Giá trị làm tròn: giá trị còn lại sau khi tính khấu hao lần cuối cùng, nếu giá trị còn lại này nhỏ hơn giá trị làm tròn thì cho giá trị còn lại này vào giá trị khấu hao của kỳ cuối cùng.
- Bộ phận hạch toán (dùng trong trường hợp theo dõi hạch toán chi phí theo trường bộ phận, thường sử dụng ở phần tính giá thành sản phẩm)
- Bộ phận sử dụng
- Tài khoản TSCĐ (tk 211)
- Tài khoản hao mòn TSCĐ (tk 214)
- Tài khoản chi phí (các tiểu khoản tương ứng của các tài khoản 627, 641, 642)
- Phân nhóm 1, 2, 3.
- Các thông tin phụ:
 - + Tên tiếng Anh
 - + Số hiệu tài sản
 - + Thông số kỹ thuật Nước sản xuất
 - + Năm sản xuất
 - + Ngày đình chỉ sử dụng
 - + Lý do đình chỉ
 - + Ghi chú.
 - Chi tiết về nguồn vốn:
 - + Nguồn vốn
 - + Ngày chứng từ
 - + Số chứng từ
 - + Nguyên giá
 - + Giá trị đã khấu hao
 - + Giá trị còn lại

- + Giá trị khấu hao 1 kỳ (giá trị này người sử dụng có thể chỉnh sửa cho từng tháng/kỳ cụ thể)
- + Diễn giải, ghi chú.
 - Chi tiết về phụ tùng đi kèm:
- + Tên phụ tùng
- + Đơn vị tính
- + Số lượng Giá trị

2.3 Khai báo các thay đổi liên quan đến tài sản

2.3.1 Điều chỉnh giá trị tài sản

Trong trường hợp giá trị tài sản có thay đổi - tăng hoặc giảm thì ta phải thực hiện khai báo điều chỉnh giá trị tài sản.

Các thông tin về điều chỉnh giá trị tài sản gồm:

- Năm
- Kỳ
- Ngày chứng từ
- Số chứng từ
- Nguồn vốn
- Lý do tăng/giảm
- Nguyên giá
- Giá trị đã khấu hao
- Giá trị còn lại Giá trị khấu hao kỳ
- Diễn giải, ghi chú.

2.3.2 Khai báo thôi khấu hao tài sản

Trong trường hợp thôi không tính khấu hao cho một tài sản nào đó thì ta thực hiện khai báo thôi khấu hao tài sản.

Thông tin phải khai báo gồm:

- Tài sản
- Ngày thôi tính khấu hao.

Lưu ý: Chỉ khai báo thôi khấu hao cho những tài sản không còn sử dụng nữa chờ thanh lý hoặc nhượng bán. Trường hợp tài sản tạm thôi tính khấu hao do sửa chữa, nâng cấp sau đó sử dụng lại thì sử dụng chức năng “Điều chỉnh khấu hao tháng”.

2.3.3 Khai báo giảm tài sản

Trong trường hợp giảm tài sản thì ta khai báo giảm tài sản.

Thông tin phải khai báo bao gồm:

- Tài sản
- Lý do giảm
- Ngày giảm
- Diễn giải, ghi chú.

2.3.4 Điều chuyển tài sản giữa các bộ phận

Chương trình cho phép quản lý việc điều chuyển tài sản giữa các bộ phận.

Các thông tin cần phải khai báo khi có sự điều chuyển tài sản giữa các bộ phận:

- Năm
- Kỳ
- Bộ phận sử dụng
- Tài khoản tài sản
- Tài khoản khấu hao
- Tài khoản chi phí.

2.3.5 Khai báo hệ số phân bổ khấu hao theo vụ việc/công trình

Chức năng dùng trong trường hợp khấu hao được phân bổ theo vụ việc, và phải khai báo hệ số phân bổ giá trị khấu hao cho từng vụ việc (công trình).

2.3.6 Khai báo hệ số phân bổ khấu hao theo tài khoản/tiểu khoản

Chức năng dùng trong trường hợp khấu hao được phân bổ theo tài khoản, và ta phải khai báo hệ số phân bổ giá trị khấu hao cho từng tài khoản/tiểu khoản.

2.4 Tính khấu hao tháng và điều chỉnh khấu hao tháng

Mỗi tháng ta phải tính một lần và chương trình sẽ lưu giá trị này trong tệp số liệu.

Nếu có sự thay đổi gì thì phải tính lại.

Giá trị khấu hao do máy tính ra dựa trên số liệu và cách tính đã khai báo ở phần thông tin về tài sản. Tuy nhiên giá trị này có thể thay đổi theo ý muốn của người sử dụng ở phần “Điều chỉnh khấu hao tháng”. Việc điều chỉnh giá trị khấu hao có thể do giá trị còn lại rất nhỏ nên ta muốn chỉnh hết giá trị còn lại vào số khấu hao của tháng hiện thời.

Fast Accounting cho phép tính khấu hao theo nguyên giá hoặc theo giá trị còn lại và có thể tính dựa trên khai báo số tháng mà tài sản sẽ khấu hao hết hoặc dựa trên tỷ lệ khấu hao tháng. Khai báo về cách thức tính này được thực hiện trong phần “Khai báo các tham số hệ thống”.

2.4.1 Tạo bút toán phân bổ khấu hao TSCĐ

Chương trình cho phép tự động tạo bút toán hạch toán phân bổ khấu hao để chuyển vào sổ cái.

Khi tạo bút toán cần phải khai báo các thông tin sau:

- Từ tháng
- Đến tháng
- Năm.

2.5 Các báo cáo về quản lý tài sản cố định

2.5.1 Các báo cáo kiểm kê về TSCĐ

Các báo cáo về kiểm kê TSCĐ gồm có:

- Danh mục tài sản
- Báo cáo chi tiết TSCĐ
- Báo cáo chi tiết TSCĐ theo nguồn vốn
- Báo cáo chi tiết TSCĐ theo bộ phận
- Báo cáo chi tiết TSCĐ theo bộ phận – nguồn vốn
- Báo cáo tổng hợp giá trị TSCĐ
- Thẻ TSCĐ
- Bảng tổng hợp TSCĐ theo nhóm tài sản và nguồn vốn
- Bảng tổng hợp TSCĐ theo bộ phận sử dụng và nhóm tài sản
- Bảng kê thông tin chung TSCĐ
- Bảng kê thông tin chung TSCĐ theo nguồn vốn
- Bảng kê TS hết khấu hao còn sử dụng
- Bảng kê TS chuyển bộ phận sử dụng

2.5.2 Các báo cáo tăng giảm TSCĐ

Các báo cáo về tăng giảm TSCĐ gồm có:

- Báo cáo chi tiết tăng TSCĐ
- Báo cáo chi tiết tăng TSCĐ theo nguồn vốn
- Báo cáo chi tiết tăng TSCĐ nhóm theo bộ phận
- Báo cáo chi tiết tăng TSCĐ theo bộ phận – nguồn vốn
- Báo cáo chi tiết giảm TSCĐ
- Báo cáo chi tiết giảm TSCĐ theo bộ phận
- Báo cáo tổng hợp tình hình tăng giảm TSCĐ

Báo cáo tổng hợp tình hình tăng giảm TSCĐ theo nguồn vốn.

2.5.3 Báo cáo khấu hao và phân bổ khấu hao TSCĐ

Các báo cáo về khấu hao và phân bổ TSCĐ gồm có:

- Bảng tính khấu hao TSCĐ
- Bảng tính khấu hao TSCĐ theo bộ phận
- Bảng tính khấu hao TSCĐ theo nguồn vốn
- Bảng tổng hợp trích khấu hao TSCĐ
- Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ
- Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ theo bộ phận.

2.6 Quản lý công cụ dụng cụ lao động

Do nhiều công cụ lao động có giá trị lớn và sử dụng trong nhiều năm nên cần phải có phân hệ riêng để quản lý chúng giống như TSCĐ.

Trong Fast Accounting CCDC được quản lý giống như TSCĐ. Riêng về khai báo các phương pháp phân bổ thì ngoài phương pháp đường thẳng giống như TSCĐ còn có thêm phương pháp “Phân bổ 2 lần”. Theo phương pháp này thì phân bổ lần 1 sẽ rơi vào kỳ đầu tiên CCDC đưa vào sử dụng. Còn phân bổ lần 2 sẽ xảy ra tại 2 thời điểm: thời điểm CCDC bị khai báo hỏng (nếu có xảy ra hỏng) hoặc thời điểm kết thúc thời hạn phân bổ của CCDC (thời điểm này được tính bằng ngày đưa vào sử dụng CCDC cộng cho số kỳ (tháng) sử dụng của CCDC đó).

- Hệ thống**
- Kế toán tổng hợp**
- Tiền mặt, tiền gửi, tiền vay**
- Bán hàng và công nợ phải thu**
- Mua hàng và công nợ phải trả**
- Hàng tồn kho**
- BC CP theo tiểu khoản, khoản mục**
- BC vụ việc, giá thành công trình**
- Giá thành sx liên tục**
- Giá thành sx theo đơn hàng**
- Tài sản cố định**
- Công cụ dụng cụ**
- Báo cáo thuế**

- Cập nhật thông tin về công cụ
- Điều chỉnh giá trị công cụ
- Khai báo hệ số phân bổ theo vụ việc
- Khai báo hệ số phân bổ theo tài khoản
- Khai báo công cụ hỏng
- Khai báo giảm công cụ
- Khai báo thời phân bổ công cụ
- Điều chuyển bộ phận sử dụng
- Tính mức phân bổ công cụ dụng cụ
- Điều chỉnh phân bổ kỳ
- Bút toán phân bổ công cụ dụng cụ

..... Số dư đầu kỳ

- Danh mục nguồn vốn
- Danh mục lý do tăng giảm công cụ
- Danh mục loại công cụ
- Danh mục phân nhóm công cụ
- Danh mục bộ phận sử dụng công cụ

BC kiểm kê
 BC tăng giảm
 BC phân bổ
 In danh mục từ điển

- Danh mục công cụ
- Báo cáo chi tiết công cụ
- B. cáo chi tiết công cụ theo n. vốn
- B. cáo chi tiết công cụ theo bộ phận
- B. cáo chi tiết cc theo bộ phận, n. vốn
- B. cáo tổng hợp giá trị công cụ
- Bảng t. hợp CCDC theo nhóm cc và n. vốn
- Bảng t. hợp CCDC theo bn và nhóm cc

BÀI TẬP

A. Câu hỏi ôn tập phần lý thuyết

1. Trình bày khái niệm và mô hình hoạt động của phần mềm kế toán?
2. Trình bày tính ưu việt của phần mềm kế toán?
3. Trình bày lợi ích của việc ứng dụng phần mềm kế toán?
4. Phân loại phần mềm kế toán? Nêu rõ ưu nhược điểm của phần mềm đóng gói và phần mềm đặt hàng?
5. Trình bày các tiêu chuẩn và điều kiện của một phần mềm kế toán?
6. Trình bày quy định của Bộ Tài chính về hình thức kế toán máy?
7. Quy trình ứng dụng một phần mềm kế toán?
8. Trình bày các tiêu chuẩn để lựa chọn một phần mềm kế toán?
9. Trình bày ưu nhược điểm của các phần mềm kế toán trong nước và phần mềm kế toán nước ngoài?

B. Bài tập thực hành

1. Tạo CSDL và thiết lập các giá trị ban đầu

Công ty TNHH ABC (đây là một công ty ví dụ, không phải là số liệu cụ thể của bất kỳ công ty nào) bắt đầu sử dụng phần mềm kế toán từ ngày 01/01/2015 có các thông tin sau:

Ngày bắt đầu hạch toán	01/01/2015
Tháng đầu tiên của năm tài chính	Tháng 01
Đồng tiền hạch toán	VNĐ
Chế độ kế toán	Áp dụng theo TT200/2014/TT-BTC
Lĩnh vực hoạt động	Sản xuất; thương mại, dịch vụ
Chế độ ghi sổ	Cát đồng thời ghi sổ
Phương pháp tính giá xuất kho	Bình quân cuối kỳ
Phương pháp tính thuế GTGT	Phương pháp khấu trừ
Giám đốc công ty	Nguyễn Mạnh Hùng
Số đăng ký kinh doanh	0125256893

Chi cục thuế quản lý**Chi cục thuế Cầu Giấy****Danh mục Tài khoản ngân hàng**

STT	Số tài khoản	Tên ngân hàng
1	0540111197032	Ngân hàng BIDV
2	711A16175235	Ngân hàng Công thương Việt Nam

Danh mục khách hàng

STT	Mã KH	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	TIENDAT	Công ty TNHH Tiến Đạt	1756 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội
2	TANHOA	Công ty TNHH Tân Hòa	2689 Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội
3	TRAANH	Công ty TNHH Trà Anh	7533 Cầu Giấy, Hà Nội
4	PHUTHE	Công ty TNHH Phú Thế	5211 Cầu Đuống, Hà Nội
5	HOAANH	Công ty Cổ phần Hòa Anh	1798 Ngọc Lâm, Long Biên , Hà Nội
6	HUEHOA	Công ty Cổ phần Huệ Hoa	1399 Lê Lai, Hà Nội
7	HOANAM	Công ty Cổ phần Hoa Nam	831 Kim Ngưu, Hà Nội
8	THAILAN	Công ty Cổ phần Thái Lan	599 Thanh Nhàn, Hà Nội

Danh mục Nhà cung cấp

STT	Mã NCC	Tên nhà cung cấp	Địa chỉ
1	LANTAN	Công ty TNHH Lan Tân	1633 Lê Lai, Ba Đình, Hà Nội
2	HALIEN	Công ty TNHH Hà Liên	513 Gò Vấp, Hà Nội
3	HONGHA	Công ty TNHH Hồng Hà	9241 Nguyễn Văn Cừ, Hà Nội
4	HATHAN H	Công ty Cổ phần Hà Thành	7212 Trần Cung, Từ Liêm, Hà Nội.
5	TANVAN	Công ty Cổ phần Tân Văn	9556 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội
6	PHUTHAI	Công ty Cổ phần Phú Thái	8935 Hoàng Mai, Hà Nội
7	NUOC	Công ty nước sạch Hà Nội	1256 Phạm Hùng, Hà Nội
8	DIENLUC	Công ty điện lực Hà Nội	3689 Xuân Thủy, Hà Nội

Danh mục Vật tư, thành phẩm

TT	Mã VT, HH	Tên VT, HH	Tính chất VT, HH	VAT	Đơn vị	Kho ngầm định	TK kho
1	KAKI 1,5	Vải kaki khổ 1,5m	Vật tư hàng hóa	10	m	152	152
2	KAKI 1,4	Vải kaki khổ 1,4m	hòaVật tư hàng hóa	10	m	152	152
3	LON_TRANG	Vải lon trắng	Vật tư hàng hóa	10	m	152	152

4	LON_KE	Vải lon kẻ	Vật tư hàng hóa	10	m	152	152
5	KHOA	Khóa 20 cm	Vật tư hàng hóa	10	Cái	152	152
6	CUC	Cúc hộp 500	Vật tư hàng hóa	10	Hộp	152	152
7	CHI	Chỉ khâu 500m	Vật tư hàng hóa	10	Cuộn	152	152
8	QUAN_NAM	Quần nam	Thành phẩm	10	Cái	155	155
9	QUAN_NU	Quần nữ	Thành phẩm	10	Cái	155	155
10	SOMI_NAM	Áo sơ mi nam	Thành phẩm	10	Cái	155	155
11	SOMI_NU	Áo sơ mi nữ	Thành phẩm	10	Cái	155	155

Danh mục Cơ cấu tổ chức

STT	Mã đơn vị	Tên đơn vị	Cấp tổ chức
1	PGĐ	Phòng Giám đốc	Phòng ban
2	PKT	Phòng Kế toán	Phòng ban
3	PHC	Phòng Hành chính	Phòng ban
4	PKD	Phòng kinh doanh	Phòng ban
5	PX1	Phân xưởng 1	Phân xưởng
6	PX2	Phân xưởng 2	Phân xưởng

Danh mục Đối tượng tập hợp chi phí

STT	Mã Đối tượng tập hợp chi phí	Tên Đối tượng tập hợp chi phí	Tên thành phẩm
1	PX1	Phân xưởng 1	Quần nam
			Quần nữ
2	PX2	Phân xưởng 2	Áo sơ mi nam
			Áo sơ mi nữ

Danh mục Tài sản cố định

Mã TSCĐ	Tên TSCĐ	Phòng ban	Ngày tính khấu hao	Thời gian sử dụng (năm)	Nguyên giá	HMLK
NX1	Nhà xưởng 1	PX1	01/01/2010	15	450.000.000	150.000.000
NX2	Nhà xưởng 2	PX2	01/01/2010	10	200.000.000	100.000.000
MM1	Máy may 1	PX1	01/01/2013	3	30.000.000	20.000.000
MM2	Máy may 2	PX2	01/01/2014	4	40.000.000	10.000.000
MM3	Máy may 3	PX1	01/01/2014	4	40.000.000	10.000.000
MM4	Máy may 4	PX2	01/01/2014	4	40.000.000	10.000.000

Tổng cộng	800.000.00	300.000.000
-----------	------------	-------------

Danh sách nhân viên

STT	Mã nhân viên	Họ và tên	Phòng ban	Lương	Số người phụ thuộc
1	NMHUNG	Nguyễn Mạnh Hùng	Giám đốc	25.000.000	2
2	TNPHUONG	Tạ Nguyệt Phương	P.Giám đốc	22.000.000	2
3	NVNAM	Nguyễn Văn Nam	Kinh doanh	10.000.000	1
4	LMDUYEN	Lê Mỹ Duyên	Kinh doanh	12.000.000	1
5	TDCHI	Trần Đức Chi	Phân xưởng 1	5.000.000	
6	NVBINH	Nguyễn Văn Bình	Phân xưởng 2	6.000.000	
7	PVMINH	Phạm Văn Minh	Kế toán	7.000.000	
8	NTLAN	Nguyễn Thị Lan	Kế toán	9.000.000	1

Khai báo số dư đầu năm

Số hiệu Tài khoản		Tên Tài khoản	Đầu kỳ	
Cấp	Cấp 2		Nợ	Có
1111		Tiền mặt	36.000.000	

	1111	Tiền Việt Nam	36.000.000	
112		Tiền gửi NH	500.000.000	
	1121	Tiền Việt Nam	500.000.000	
	Chi tiết	Tại Ngân hàng BIDV	100.000.000	
		Tại Ngân hàng Công thương	400.000.000	
131		Phải thu của khách hàng	145.000.000	
	Chi tiết	Công ty TNHH Tân Hòa	60.000.000	
		Công ty Cổ phần Huệ Hoa	85.000.000	
152		Nguyên liệu, vật liệu	404.500.000	
154	154	Chi phí SXKD dở dang	57.500.000	
211		Tài sản cố định	800.000.000	
	2111	Nhà cửa, vật kiến trúc	650.000.000	
	2112	Máy móc, thiết bị	150.000.000	
214		Hao mòn TSCĐ		300.000.000
	2141	Hao mòn TSCĐ hữu hình		300.000.000
242		Chi phí trả trước (ngắn hạn)	60.800.000	
331		Phải trả cho người bán		181.100.000
	Chi tiết	Công ty TNHH Hồng Hà		100.200.000
		Công ty TNHH Hà Liên		80.900.000

3411		Các khoản đi vay (ngắn hạn)		320.000.000
333		Thuế và các khoản phải nộp		2.700.000
	33311	NN Thuế GTGT đầu ra phải nộp		2.700.000
411		Nguồn vốn kinh doanh		1.200.000.000
	4111	Vốn đầu tư của CSH		1.200.000.000

Vật tư, hàng hóa tồn đầu kỳ

STT	Mã VT, HH	Tên VT, HH	Số hiệu TK	Đơn vị	Số lượng	Thành tiền
1	KAKI1.5	Vải kaki khổ 1,5 m	152	m	1.500	97.500.000
2	KAKI1.4	Vải Kaki khổ 1,4 m	152	m	1.000	60.000.000
3	LON_TRAN	Vải lon trắng	152	m	3.600	108.000.000
4	LON_KE	Vải lon kẻ	152	m	3.500	122.500.000
5	KHOA	Khóa 20 cm	152	Cái	500	1.500.000
6	CUC	Cúc hộp 500	152	Hộp	20	5.000.000
7	CHI	Chỉ khâu 500m	152	Cuộn	500	10.000.000
Cộng						404.500.000

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ

Tên Đối tượng tập hợp chi phí	Giá trị
--------------------------------------	----------------

Phân xưởng 1	27.500.000
Phân xưởng 2	30.000.000
Cộng	57.500.000

Yêu cầu:

- Tạo cơ sở dữ liệu cho Công ty ABC theo những thông tin đã có.
- Khai báo danh mục khách hàng, nhà cung cấp, vật tư hàng hóa, đối tượng tập hợp chi phí, nhân viên, cơ cấu tổ chức.
- Nhập số dư ban đầu.

2. Kế toán tiền mặt tại quỹ

- Tại Công ty TNHH ABC có phát sinh các nghiệp vụ kế toán liên quan đến tiền mặt như sau:
- Ngày 15/01/2015, chi tiền tạm ứng công tác phí cho nhân viên Nguyễn Văn Nam, số tiền: 1.500.000 VND.
- Ngày 19/01/2015, chi tiếp khách tại nhà hàng Sunflower số tiền 2.100.000 VND.
- Ngày 24/01/2015, Phạm Văn Minh thanh toán tiền điện tháng 01/2015 (tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp), Số tiền chưa thuế là 1.500.000 VND (VAT 10%). Hóa đơn tiền điện mẫu số 01GTKT2/001 số 0051245, ký hiệu AA/15P, ngày 22/01/2015.
- Ngày 25/01/2015, thu nợ của công ty cổ phần Huệ Hoa, số tiền: 15.486.250 VND.
- Ngày 26/01/2015, Nguyễn Thị Lan chi thanh toán tiền nước tháng 01/2015 (tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp), Số tiền chưa thuế là 1.000.000 VND (VAT 5%). Hóa đơn mẫu số 01GTKT2/001 số 0032471, ký hiệu AB/15P, ngày 24/01/2015.
- Ngày 27/01/2015, Nguyễn Thị Lan chi mua văn phòng phẩm (tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp), Số tiền chưa thuế là 2.000.000 VND (VAT 10%). Hóa đơn mẫu số 01GTKT3/001 số 0021689, ký hiệu AA/15P, ngày 27/01/2015.

Yêu cầu:

- Sử dụng thông tin khai báo anh mục trong bài tập phần A
- Hạch toán các nghiệp vụ phát sinh vào phần mềm.
- In Sổ quỹ tiền mặt; Sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt.

3. Kế toán tiền gửi ngân hàng

Tại Công ty TNHH ABC có phát sinh các nghiệp vụ kế toán liên quan đến tiền gửi như sau:

- Ngày 08/01/2015, công ty TNHH Tân Hòa thanh toán nợ kỳ trước, số tiền: 60.510.000 VND theo giấy báo Có của ngân hàng Công thương.
- Ngày 12/01/2015, chuyển tiền nộp thuế GTGT tháng 12/2015 bằng y nhiệm chi, số tiền: 12.834.091 theo giấy báo Nợ của Ngân hàng BIDV.
- Ngày 16/01/2015, chuyển tiền gửi ngân hàng BIDV trả tiền còn nợ cho công ty Hồng Hà 11.000.000 VND.
- Ngày 25/01/2015, chuyển tiền gửi ngân hàng Công thương trả tiền vay ngắn hạn Vietcombank, số tiền: 60.000.000 VND (đã nhận được giấy báo Nợ của ngân hàng).
- Ngày 29/01/2015, chuyển tiền gửi ngân hàng Công thương sang ngân hàng BIDV, số tiền: 12.000.000 VND (Đã nhận được giấy báo Nợ của ngân hàng Công thương, chưa nhận được giấy báo Có của ngân hàng BIDV).

Yêu cầu:

- Sử dụng thông tin khai báo danh mục trong bài tập phần A
- Hạch toán các nghiệp vụ phát sinh vào phần mềm.
- In Sổ tiền gửi ngân hàng.

4. Kế toán nợ phải thu

Tại Công ty TNHH ABC có phát sinh các nghiệp vụ kế toán liên quan đến hoạt động bán hàng như sau:

1. Ngày 07/01/2015, bán hàng cho Công ty TNHH Tiến Đạt (VAT: 10%; chưa thu tiền). Theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, số 0000002, ký hiệu AB/15T
 - Tivi LG 21 inches SL: 02, ĐGCTCT: 4.000.000 (VND/chiếc)
 - Tivi LG 29 inches SL: 03, ĐGCTCT: 9.800.000 (VND/chiếc)
2. Ngày 11/01/2015, bán hàng thu tiền gửi ngân hàng Công thương của Công ty TNHH Trà Anh (VAT:10%). Theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, số 0000003, ký hiệu AB/15T
 - Điện thoại NOKIA N6 SL: 05, ĐGCTCT:5.800.000 (VND/chiếc)
 - Điện thoại SAMSUNG E8 SL: 05, ĐGCTCT:5.410.000 (VND/chiếc)
3. Ngày 27/01/2015, Công ty cổ phần Hoa Nam đặt hàng gồm (VAT 10%).

- Điện thoại NOKIA N7 SL: 02, ĐGCTCT:5.800.000 (VND/chiếc)
 - Điện thoại NOKIA D9 SL: 04, ĐGCTCT:5.500.000 (VND/chiếc)
4. Ngày 28/01/2015, chuyển hàng cho Công ty cổ phần Hoa Nam theo đơn hàng ngày 27/01/2015, chưa thu tiền (Tỷ lệ chiết khấu 2% với mỗi mặt hàng). Theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, số 0000004, ký hiệu AB/15T
- Điện thoại NOKIA N7 SL: 02, ĐGCT:5.800.000 (VND/chiếc)
 - Điện thoại NOKIA D9 SL: 04, ĐGCT:5.500.000 (VND/chiếc)
5. Ngày 29/01/2015, Công ty Cổ phần Hoa Nam trả lại hàng. Theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, số 0001234, ký hiệu AC/15P
- Điện thoại NOKIA N7 SL: 01
6. Ngày 27/02/2015, bán hàng cho Công ty TNHH Tân Hòa, thu bằng tiền gửi tại ngân hàng Công thương, VAT 10%. Theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, số 0000005, ký hiệu AB/15T
- Tivi LG 19 inches SL: 03, ĐGCT: 3.400.000 (VND/chiếc)
 - Tivi LG 21 inches SL: 02, ĐGCT: 3.800.000 (VND/chiếc)
7. Ngày 28/02/2015, bán hàng cho Công ty cổ phần Thái Lan chưa thu tiền. VAT 10%. Theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, số 0000006, ký hiệu AB/15T
- Tivi LG 19 inches SL: 02, ĐGCT: 3.400.000 (VND/chiếc)
8. Ngày 06/03/2015, bán hàng cho khách lẻ thu tiền mặt, VAT 10%. Theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, số 0000007, ký hiệu AB/15T
- ĐH SHIMAZU 24000BTU SL: 03, ĐGCT:16.600.000 (VND/chiếc)

Yêu cầu:

- Sử dụng thông tin khai báo danh mục trong phần A
- Hạch toán các nghiệp phát sinh vào phần mềm.
- In Sổ chi tiết bán hàng, Nhật ký bán hàng, Tổng hợp công nợ phải thu,...

5. Kế toán kho

Tại Công ty TNHH ABC có phát sinh các nghiệp vụ kế toán liên quan đến hoạt động bán hàng như sau:

1. Ngày 07/01/2015, bán hàng cho Công ty TNHH Tiến Đạt (VAT: 10%; chưa thu tiền). Theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, số 0000002, ký hiệu AB/15T
 - Tivi LG 21 inches SL: 02, ĐGCTCT: 4.000.000 (VND/chiếc)
 - Tivi LG 29 inches SL: 03, ĐGCTCT: 9.800.000 (VND/chiếc)
2. Ngày 11/01/2015, bán hàng thu tiền gửi ngân hàng Công thương của Công ty TNHH Trà Anh (VAT:10%). Theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, số 0000003, ký hiệu AB/15T
 - Điện thoại NOKIA N6 SL: 05, ĐGCTCT:5.800.000 (VND/chiếc)
 - Điện thoại SAMSUNG E8 SL: 05, ĐGCTCT:5.410.000 (VND/chiếc)
3. Ngày 27/01/2015, Công ty cổ phần Hoa Nam đặt hàng gồm (VAT 10%).
 - Điện thoại NOKIA N7 SL: 02, ĐGCTCT:5.800.000 (VND/chiếc)
 - Điện thoại NOKIA D9 SL: 04, ĐGCTCT:5.500.000 (VND/chiếc)
4. Ngày 28/01/2015, chuyển hàng cho Công ty cổ phần Hoa Nam theo đơn hàng ngày 27/01/2015, chưa thu tiền (Tỷ lệ chiết khấu 2% với mỗi mặt hàng). Theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, số 0000004, ký hiệu AB/15T
 - Điện thoại NOKIA N7 SL: 02, ĐGCT:5.800.000 (VND/chiếc)
 - Điện thoại NOKIA D9 SL: 04, ĐGCT:5.500.000 (VND/chiếc)
5. Ngày 29/01/2015, Công ty Cổ phần Hoa Nam trả lại hàng. Theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, số 0001234, ký hiệu AC/15P
 - Điện thoại NOKIA N7 SL: 01
6. Ngày 27/02/2015, bán hàng cho Công ty TNHH Tân Hòa, thu bằng tiền gửi tại ngân hàng Công thương, VAT 10%. Theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, số 0000005, ký hiệu AB/15T
 - Tivi LG 19 inches SL: 03, ĐGCT: 3.400.000 (VND/chiếc)
 - Tivi LG 21 inches SL: 02, ĐGCT: 3.800.000 (VND/chiếc)
7. Ngày 28/02/2015, bán hàng cho Công ty cổ phần Thái Lan chưa thu tiền. VAT 10%. Theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, số 0000006, ký hiệu AB/15T
 - Tivi LG 19 inches SL: 02, ĐGCT: 3.400.000 (VND/chiếc)

8. Ngày 06/03/2015, bán hàng cho khách lẻ thu tiền mặt, VAT 10%. Theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, số 0000007, ký hiệu AB/15T

– ĐH SHIMAZU 24000BTU SL: 03, ĐGCT:16.600.000 (VND/chiếc)

Yêu cầu:

- Sử dụng thông tin khai báo danh mục trong phần A
- Hạch toán các nghiệp phát sinh vào phần mềm.
- In Sổ chi tiết bán hàng, Nhật ký bán hàng, Tổng hợp công nợ phải thu,...

6. Kế toán kho

1. Ngày 07/01/2015, xuất công cụ dụng cụ sử dụng cho sản xuất ở phân xưởng 1, phân bổ trong 3 kỳ:

- Kéo SL: 5
- Kim SL: 10

2. Ngày 10/01/2015, xuất công cụ dụng cụ sử dụng cho sản xuất ở phân xưởng 2, phân bổ trong 3 kỳ:

Kéo SL: 4

Kim SL: 8

- Ngày 20/01/2015 phát hiện thấy 02 kéo sử dụng ở phân xưởng 2 có dấu hiệu hư hỏng nặng, không sử dụng được nữa. Công ty tiến hành thanh lý, thu về 20.000 VND tiền bán phế liệu.
- Ngày 31/01/2015 tiến hành phân bổ giá trị CCDC sử dụng trong tháng vào chi phí.

Yêu cầu:

- Sử dụng thông tin khai báo danh mục trong phần A
- Hạch toán các nghiệp phát sinh vào phần mềm.
- Cập nhật giá xuất kho (bút toán tự động).
- In Sổ theo dõi CCDC tại nơi sử dụng

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Trần Thị Song Minh (2010), *Giáo trình kế toán máy*, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân.
- [2] Nguyễn Văn Tân (2005), *Giáo trình kế toán máy*, Nxb Hà Nội
- [3] Công ty phần mềm quản lý doanh nghiệp (2011), *Tài liệu hướng dẫn sử dụng Fast Accounting for Education*